



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

MỤC LỤC

01 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	06
-------------------------------------------	----

02 Điểm nhấn FPT Telecom năm 2025

Điểm nhấn FPT Telecom	10
Các giải thưởng tiêu biểu	12
Các chứng chỉ tiêu biểu	13

03 Tổng quan về FPT Telecom

Giới thiệu công ty	16
Lịch sử hình thành & phát triển	18
Ngành nghề kinh doanh	20
Các dịch vụ chủ đạo	22
Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý	26
Công ty con	28
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	30
Giới thiệu Ban Điều hành	32
Giới thiệu Ban Kiểm soát	32
Định hướng phát triển	34

04 Tình hình hoạt động năm 2025 & kế hoạch năm 2026

Tình hình tài chính nổi bật 2025	38
Báo cáo của Ban Điều hành	40
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	44
Kế hoạch năm 2026	46

05 Quản trị công ty

Hoạt động của Hội đồng Quản trị	50
Hoạt động của Ban Kiểm soát	52
Quan hệ Nhà đầu tư	54
Phát triển bền vững	56
Tác động đến môi trường	57
Phát triển nguồn nhân lực	58
Các hoạt động phong trào tiêu biểu	60
Hoạt động vì cộng đồng	62

06 Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính	64
-------------------	----



01

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

06-07

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi Quý cổ đông,
Nhà đầu tư và Quý khách hàng,

Thay mặt Hội đồng Quản trị cùng toàn thể Ban Lãnh đạo và cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom), tôi xin gửi tới Quý vị lời chào trân trọng, lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công. Chúng tôi chân thành cảm ơn sự tin tưởng, đồng hành và ủng hộ của Quý vị trong suốt thời gian qua – đó chính là nền tảng vững chắc để FPT Telecom không ngừng đổi mới, phát triển và tạo dựng những giá trị bền vững.

Năm 2025 đánh dấu một bước chuyển mình mạnh mẽ của FPT Telecom trong hành trình kiến tạo hệ sinh thái số toàn diện cho cá nhân và doanh nghiệp tại Việt Nam. Đặc biệt, sự kiện FPT Telecom chính thức chuyển về trực thuộc Bộ Công an đã mở ra một bước ngoặt chiến lược, tạo nền tảng mới về định hướng phát triển, yêu cầu cao hơn về an toàn – bảo mật và vai trò lớn hơn trong hạ tầng số quốc gia.

Trong lĩnh vực hạ tầng, năm 2025 ghi nhận dấu mốc quan trọng với việc ra mắt giải pháp Internet SpeedX, ứng dụng công nghệ XGS-PON kết hợp Wi-Fi 7, mở ra kỷ nguyên Internet băng thông siêu cao tại Việt Nam. Với tốc độ đối xứng lên đến 10Gbps, Internet SpeedX đáp ứng nhu cầu sử dụng đa thiết bị, làm việc từ xa, giải trí độ phân giải cao, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và thi đấu thể thao điện tử. Đây không chỉ là bước tiến về mặt công nghệ mà còn là nền tảng chiến lược cho toàn bộ hệ sinh thái dịch vụ số của FPT Telecom trong những năm tới.

Ở mảng nội dung số, FPT Play tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu khi công bố sở hữu bản quyền Giải Ngoại hạng Anh đến hết mùa giải 2030–2031, qua đó đảm bảo quyền phát sóng dài hạn một trong những giải đấu hấp dẫn nhất hành tinh. Song song với thể thao truyền thống, FPT Play mở rộng mạnh mẽ sang thể thao điện tử với việc phát sóng Cúp Thế giới Thể thao Điện tử 2025 (EWC 2025), Giải Vô địch Liên Minh Huyền Thoại Khu vực Thái Bình Dương (LCP), Đấu Trường Danh Vọng, Giải Vô địch Quốc gia Thể thao Điện tử bộ môn FC Online (FVPL). Sự hiện diện xuyên suốt từ giải đấu quốc tế đến trong nước giúp FPT Play mở rộng tệp khán giả, đặc biệt là thế hệ trẻ, đồng thời củng cố vai trò là nền tảng giải trí số toàn diện.

Trong lĩnh vực an ninh và công nghệ thông minh, FPT Telecom tiếp tục đẩy mạnh phát triển hệ thống FPT Camera AI, làm chủ firmware, nền tảng điện toán đám mây và các thuật toán xử lý hình ảnh thông minh. Việc tự chủ công nghệ lõi giúp FPT Telecom đảm bảo an toàn dữ liệu, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng phát triển các giải pháp Internet vạn vật thông minh trong tương lai.

Song hành với đó, lĩnh vực thể thao điện tử và gaming được đầu tư bài bản nhằm hình thành hệ sinh thái khép kín. Năm 2025, FPT Telecom tiếp tục tài trợ và đồng hành cùng các đội tuyển hàng đầu như FPT Flash và GAM Esports, đồng thời ra mắt FangTV – nền tảng livestream dành cho game và thể thao điện tử – cùng giải pháp tối ưu đường truyền HyperFast giúp nâng cao trải nghiệm chơi game trực tuyến.

Ở mảng viễn thông quốc tế, FPT Telecom International tiếp tục được các đối tác công nghệ toàn cầu ghi nhận nhờ năng lực triển khai và chất lượng dịch vụ. Trong năm 2025, FPT Telecom đã đưa vào vận hành Trung tâm dữ liệu FPT Fornix HCM02 – trung tâm dữ liệu quy mô lớn nhất tại Việt Nam, được đầu tư theo tiêu chuẩn quốc tế với hạ tầng hiện đại, độ an toàn và tính sẵn sàng cao. Việc đưa Fornix HCM02 vào khai thác giúp nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và hạ tầng số cho khối khách hàng doanh nghiệp.

Song song với hoạt động kinh doanh, FPT Telecom tiếp tục thực hiện các chương trình vì cộng đồng, thúc đẩy giáo dục số, nâng cao nhận thức về an toàn mạng và mở rộng tiếp cận hạ tầng công nghệ tới nhiều địa phương. Chúng tôi tin rằng chuyển đổi số chỉ thực sự có ý nghĩa khi mang lại cuộc sống an toàn, tiện ích và thịnh vượng hơn cho mỗi gia đình và tổ chức.

Những nỗ lực đổi mới và đầu tư của FPT Telecom trong năm 2025 tiếp tục được ghi nhận bởi nhiều tổ chức uy tín trong và ngoài nước. Sáu sản phẩm, giải pháp của Công ty được vinh danh tại Giải thưởng Sao Khuê 2025; hai sản phẩm đạt Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam. Tại International Business Awards, FPT Camera được trao giải ở hạng mục Sản phẩm tích hợp trí tuệ nhân tạo xuất sắc. Đối với khối viễn thông quốc tế, FPT Telecom International cùng Tập đoàn FPT nhận danh hiệu “Nhà cung cấp Giải pháp Viễn thông của năm” tại Asian Telecom Awards 2025, khẳng định uy tín và vị thế của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường khu vực.

Về kết quả kinh doanh, năm 2025, FPT Telecom đạt 19.507 tỷ đồng, tăng trưởng 10,8% so với năm 2024; lợi nhuận trước thuế đạt 4.364 tỷ đồng, tăng trưởng 21,6%.

Bước sang năm 2026, FPT Telecom đặt mục tiêu doanh thu đạt khoảng 22.000 tỷ đồng, tăng trưởng 12,8%, với lợi nhuận trước thuế kỳ vọng đạt 5.100 tỷ đồng, tăng trưởng 16,9%.

Trong bối cảnh năm 2026 khi chuyển đổi số quốc gia bước vào giai đoạn tăng tốc, yêu cầu về an ninh dữ liệu, chủ quyền công nghệ và hạ tầng số an toàn ngày càng trở nên cấp thiết, FPT Telecom nỗ lực kết hợp sức mạnh viễn thông truyền thống với các giải pháp số, dịch vụ thông minh phục vụ cả nhu cầu cá nhân/hộ gia đình và tổ chức/doanh nghiệp. Chiến lược này đánh dấu bước chuyển mình quan trọng, khẳng định vị thế công nghệ và bản lĩnh “bứt phá” nhân kỷ niệm FPT Telecom tròn 30 tuổi.

Với nền tảng đã được xây dựng trong năm 2025, chúng tôi tin tưởng vào triển vọng tăng trưởng dài hạn và cam kết mang lại giá trị cao nhất cho Quý cổ đông, Nhà đầu tư và Khách hàng trong chặng đường phía trước.

HOÀNG VIỆT ANH
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

02

ĐIỂM NHẤN FPT TELECOM 2025

Điểm nhấn năm 2025	10-11
Các giải thưởng tiêu biểu	12-13
Các chứng chỉ tiêu biểu	13

ĐIỂM NHẤN NĂM 2025

DOANH THU THUẦN

19.507 TỶ ĐỒNG

▲ 10,8% YOY

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

4.364 TỶ ĐỒNG

▲ 21,6% YOY

TRUNG TÂM DỮ LIỆU MỚI

FPT FORNIX HCM02

QUY MÔ LỚN NHẤT VIỆT NAM

TỔNG TÀI SẢN

26.105 TỶ ĐỒNG

▲ 9,8% YOY

VỐN CHỦ SỞ HỮU

11.231 TỶ ĐỒNG

▲ 5,5% YOY

EPS

4.150 ĐỒNG /CP

▲ 21,6% YOY

VĂN PHÒNG VÀ ĐIỂM GIAO DỊCH

317

NHÂN VIÊN CHÍNH THỨC

10.731 NHÂN SỰ

▲ 7,5% YOY



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Giải Sao Khuê 2025

- Bộ sản phẩm giám sát thông minh ứng dụng AI và IoT cho bán lẻ
- Phần mềm FPT Camera Agent
- Ultra Fast
- Ứng dụng FPT Play
- Ứng dụng Hi FPT
- Bộ theo dõi glucose liên tục 3P



Gameverse - Vietnam Game Award 2025

- Nhà mạng được yêu thích nhất



The Stevie Award for Great Employer

- Giải Vàng tại hạng mục nhà Tuyển dụng được yêu thích nhất 2025 - Mạng Viễn thông



The Stevies - International Business Award

- Giải Đồng tại hạng mục Sản phẩm tích hợp AI Tốt nhất cho FPT Camera



Vietnam Top 10 Tech & Map:

- Top 10 Doanh nghiệp Cung cấp Hạ tầng số cho Giải pháp Internet FPT
- Top 10 Doanh nghiệp A-IoT cho FPT Camera
- Top 10 Doanh nghiệp Bảo mật, An toàn thông tin cho Giải pháp Safe



Vietnam Digital Award

- Sản phẩm công nghệ số tiêu biểu với 2 sản phẩm:
- Giải pháp Internet toàn diện tích hợp Ultra Fast, F-Safe
 - Giải pháp giám sát thông minh ứng dụng AIoT FPT camera AI cho chuỗi bán lẻ



Sản phẩm công nghệ chủ lực thành phố Hà Nội

- FPT Play



Giải thưởng Vạn Xuân

- Hạng mục Thương hiệu công nghệ sáng tạo
- Hạng mục Quảng cáo trên bảng, biển ngoài trời cho chiến dịch Phù cam (Một sắc cam - Ngàn dặm Việt)



Vietnam Marketing Award

- Hạng mục Tiếp thị Kinh doanh Xuất sắc - Bền vững với chiến dịch Một sắc cam Ngàn dặm Việt



Giải thưởng Make in Vietnam

- Hạng mục Sản phẩm Công nghệ số xuất sắc trong lĩnh vực Công nghiệp và Xây dựng cho FPT Camera Agent



Giải thưởng Best SD-WAN Partner & Million Club Partner của Fortinet

FPT Telecom International (FTI)



Giải APJ Rising Star of the Year của SolarWinds

FPT Telecom International (FTI)



Top FS5K Dealer of the Year của IBM

FPT Telecom International (FTI)



Asian Telecom Awards 2025

FPT Telecom International (FTI), Tập đoàn FPT nhận danh hiệu "Nhà cung cấp Giải pháp Viễn thông của năm"



CÁC CHỨNG CHỈ TIÊU BIỂU



03

TỔNG QUAN VỀ FPT TELECOM

Giới thiệu công ty	16-17
Lịch sử hình thành và phát triển	18-19
Ngành nghề kinh doanh	20-21
Các dịch vụ chủ đạo	22-25
Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý	26-27
Công ty con	28-29
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	30-31
Giới thiệu Ban Điều hành	32-33
Giới thiệu Ban Kiểm soát	32-33
Định hướng phát triển	34-35

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin chung

Tên Công ty:	Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom)
Mã Chứng khoán:	FOX
Vốn điều lệ:	7.387.634.630.000 đồng
GCNĐKDN:	0101778163
Trụ sở chính:	Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Số 17 Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.



Liên hệ

Văn phòng Hà Nội:	Tầng 8-9-19-20, Tòa nhà FPT, Số 10 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Văn phòng Đà Nẵng:	Lô A4-1 KĐT Công nghệ FPT Đà Nẵng, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng
Văn phòng Hồ Chí Minh:	Lô L29B-31B-33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(84-24) 7300 2222
Fax:	(84-24) 3795 0047
Website:	www.fpt.vn



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- **1997** Ngày 31/01/1997 trung tâm FPT Internet (FPT Online Exchange - FOX - tiền thân của FPT Telecom) được thành lập tại Hà Nội với sản phẩm mang tri tuệ Việt Nam.
- **2001** Ra mắt báo điện tử đầu tiên tại Việt Nam VnExpress.net.
- **2002** Trở thành nhà cung cấp kết nối Internet IXP (Internet Exchange Provider).
- **2005** Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT (FPT Telecom).
- **2007** Trở thành thành viên chính thức của liên minh AAG.
- **2008** Trở thành nhà cung cấp dịch vụ Internet cáp quang băng rộng (FTTH) đầu tiên tại Việt Nam.
- **2012** Hoàn thiện tuyến trục Bắc Nam với tổng chiều dài 4.000 km.
- **2013** Ra mắt dịch vụ Truyền hình IPTV với thương hiệu Truyền hình FPT.
- **2014** Có mặt tại Myanmar.
Là một trong những đơn vị dẫn đầu trong chuyển đổi IPv6.
Triển khai chiến lược quang hóa trên phạm vi toàn quốc
- **2016** Khai trương Trung tâm dữ liệu chuẩn Uptime TIER III lớn nhất miền Nam.
Được cấp phép triển khai thử nghiệm mạng 4G tại Việt Nam.
- **2017** Chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán UPCOM. Ra mắt gói dịch vụ Internet tốc độ nhanh nhất Việt Nam SOC - 1Gbps.
- **2018** Hoàn thiện việc quang hóa hạ tầng trên phạm vi toàn quốc. Ra mắt Box truyền hình 4K, Voice remote.

- **2019** Ra mắt hàng loạt các sản phẩm dịch vụ nổi bật: FPT Camera, iHome, HBO GO, Foxy...
- **2020** Ra mắt nhiều sản phẩm lớn: Foxpay, F.safe, F.work, F.Drive, bộ giải mã FPT TV 4K FX6 của Truyền hình FPT, cùng nhiều giải pháp hỗ trợ mùa dịch Covid 19.
- **2021** Hợp nhất FPT Play và Truyền hình FPT thành Truyền hình FPT Play
Ra mắt sản phẩm FPT Play Box S
Ra mắt giải pháp Camera SME cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- **2022** Ra mắt gói Lux tích hợp công nghệ Wi-Fi 6
Ra mắt Bộ giải mã đầu tiên tại thị trường Việt Nam tích hợp hai công nghệ IPTV và OTT là Box FPT Play 2022.
Khai trương 2 Data Center: Fornix HN02 và Fornix HCM01 với công suất 800 rack
- **2023** Ra mắt 3 gói cước dịch vụ FTTH Giga - Sky - Meta, mở băng thông không giới hạn cho khách hàng
Ra mắt tính năng F-Safe Go và gói cước F-Game dành cho game thủ.
Ra mắt FPT Camera Play, FPT Camera IQ3, FPT Camera SE.
- **2024** Phủ sóng Wi-Fi 6 toàn quốc
Mạng Internet an toàn đến 1.000 trường học trên cả nước.
Hợp tác chiến lược cùng Team Flash, GAM Entertainment, tham gia tổ chức các sự kiện eSports tầm cỡ.
FPT Play độc quyền phát sóng AFF Cup 2024.
Ra mắt FPT Camera IQ 3S và FPT Camera Play 3, giải pháp tiết kiệm điện cho Smart Home.
- **2025** Ra mắt giải pháp Internet SpeedX, ứng dụng công nghệ XGS-PON kết hợp Wi-Fi 7 tốc độ đối xứng lên tới 10Gbps
Đưa vào vận hành Trung tâm dữ liệu (Data Center) quy mô lớn nhất Việt Nam FPT Fornix HCM02
FPT Play chính thức sở hữu bản quyền giải Ngoại hạng Anh đến hết mùa giải 2030-2031, mở rộng mạnh mẽ sang mảng thể thao điện tử với việc phát sóng các giải đấu lớn
Tiếp tục đồng hành cùng FPT Flash và GAM Esports
Ra mắt FangTV - nền tảng livestream dành cho game và thể thao điện tử
Ra mắt ứng dụng FPT Life hợp nhất hệ sinh thái an ninh FPT Camera và điều khiển thiết bị thông minh FPT Smart Home.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



01 CUNG CẤP HẠ TẦNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

- Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet).
- Hoạt động của các điểm truy cập Internet.
- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: Dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ fax gia tăng giá trị, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử, dịch vụ chuyển đổi mã và giao thức, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng.
- Dịch vụ viễn thông cố định quốc tế, dịch vụ viễn thông cố định đường dài trong nước.
- Dịch vụ viễn thông cố định nội hạt: dịch vụ điện thoại, fax, dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ truyền dẫn tín hiệu truyền hình, dịch vụ thuê kênh, dịch vụ telex, dịch vụ điện báo.
- Thiết lập hạ tầng mạng và cung cấp các dịch vụ viễn thông, Internet.
- Đại lý cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, Internet.
- Cung cấp hạ tầng mạng viễn thông cho dịch vụ Internet băng thông rộng.
- Hoạt động viễn thông có dây.

02 DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH, GIẢI TRÍ, DỊCH VỤ GTGT VÀ NỘI DUNG SỐ



- Đại lý cung cấp các dịch vụ truyền hình, phim ảnh, âm nhạc trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Dịch vụ tin nhắn, dữ liệu, thông tin giải trí trên mạng điện thoại di động.
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Đại lý, cung cấp trò chơi trực tuyến trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Hoạt động phát hành phim ảnh, phim video và chương trình truyền hình: dịch vụ phát hành phim ảnh, giải trí, giá trị gia tăng trên mạng viễn thông Internet, dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV theo Giấy phép số 239/GP-BTTTT.
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.
- Hoạt động hậu kỳ, hoạt động chiếu phim, hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc.
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.
- Thi công, dịch vụ lắp đặt hệ thống truyền hình cáp, tư vấn, thiết kế lắp đặt chuyển giao công nghệ máy móc thiết bị phát thanh truyền hình, điện, điện tử và viễn thông.
- Quảng cáo
- Hoạt động truyền hình cáp

03 CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

- Xuất nhập khẩu thiết bị mạng viễn thông và Internet.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, bán buôn vật tư máy móc chuyên dụng, dân dụng về phát thanh truyền hình, điện, điện tử và viễn thông, bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Xuất bản phần mềm, các dịch vụ thông tin qua điện thoại, các dịch vụ tìm kiếm thông tin qua hợp đồng hay trên cơ sở phí.
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính, cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Sản xuất thiết bị truyền thông, cổng thông tin, quảng cáo.
- Hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.
- Xây dựng công trình công ích khác: xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông.

CÁC DỊCH VỤ CHỦ ĐẠO

01 INTERNET FPT

Dịch vụ mạng cáp quang FPT được nhiều cá nhân, tổ chức đánh giá là nhà cung cấp dịch vụ Internet có chất lượng đường truyền dữ liệu cáp quang siêu tốc, ổn định, bảo mật tuyệt đối thông tin người dùng, không bị ảnh hưởng bởi thời tiết... FPT Telecom cung cấp các gói cước cáp quang theo chuẩn Wi-Fi 6 và Wi-Fi 7 hiện đại nhất, đem tới trải nghiệm tuyệt vời cho khách hàng tới tốc độ truy cập tới 10Gbps, vùng phủ sóng mở rộng, độ trễ giảm.



02 FPT PLAY

FPT Play mang đến cho người dùng các Gói dịch vụ truyền hình đa dạng, trên đa nền tảng, đa hạ tầng. Thông qua website fptplay.vn và ứng dụng FPT Play được cài đặt trên các thiết bị đầu cuối, người dùng tại Việt Nam có thể tận hưởng kho nội dung đặc sắc, với gần 200 kênh truyền hình trong nước và quốc tế, các tựa phim truyền đa quốc gia hàng đầu, nhiều giải đấu thể thao đỉnh cao và những chương trình giải trí theo xu hướng mới nhất.

Tháng 9/2021, truyền hình FPT và dịch vụ FPT Play hợp nhất làm một, dưới tên gọi chung là FPT Play, đánh dấu bước chuyển mình sau gần một thập kỷ phát triển.



03 SMART LIFE

FPT Camera - Cung cấp giải pháp camera an ninh đồng bộ ứng dụng AI, cho phép giám sát, lưu trữ dữ liệu người dùng trên nền tảng điện toán đám mây. FPT Camera đã được triển khai ở nhiều tỉnh thành trên cả nước, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, ngăn ngừa và giảm tỷ lệ tội phạm và vi phạm giao thông.

SMART LIFE là nền tảng nhà thông minh điều khiển bằng giọng nói tiếng Việt hàng đầu Việt Nam. Smart Life hiện cung cấp 4 giải pháp thông minh gồm: Điều khiển, Chiếu sáng, An ninh, Truyền hình nhằm mang đến một không gian sống hiện đại, tiện nghi và phù hợp với tất cả mọi người dân Việt Nam.



04 KÊNH THUÊ RIÊNG LEASED LINE

Internet Leased Line là dịch vụ cung cấp kết nối Internet trực tiếp ra Quốc tế (GIA) và Internet trong nước (NIX). Khác với các kết nối Internet thông thường, đường truyền Internet Leased Line có thể cung cấp mọi tốc độ từ 01 Mbps đến hàng chục Gbps với cam kết tốt nhất về độ ổn định, tốc độ kết nối, tính riêng biệt cùng với chế độ chăm sóc khách hàng đặc biệt.



05 TRUNG TÂM DỮ LIỆU (DATA CENTER)

Dịch vụ cung cấp các loại máy chủ chuyên dùng, không gian đặt tủ rack, không gian đặt máy chủ và các kết nối từ máy chủ ra môi trường Internet hay kết nối riêng trực tiếp đến văn phòng khách hàng thông qua môi trường Intranet với hệ thống Trung tâm dữ liệu (Data Center) chuẩn Uptime Tier III quy mô lớn hàng đầu Việt Nam.



06 HI FPT

Hi FPT là ứng dụng được phát triển bởi FPT Telecom, cung cấp những tính năng phục vụ khách hàng trong việc quản lý toàn trình các dịch vụ Internet. Chỉ bằng vài thao tác, khách hàng có thể chủ động mọi giao dịch ngay tại nhà, hỗ trợ xử lý sự cố nhanh nhất hoặc quản lý Modem Wi-Fi từ xa, đảm bảo an toàn Internet, tận hưởng các tính năng nâng cao cũng như nhận những ưu đãi độc quyền cho "Khách Hàng Thân Thiết" của FPT Telecom.

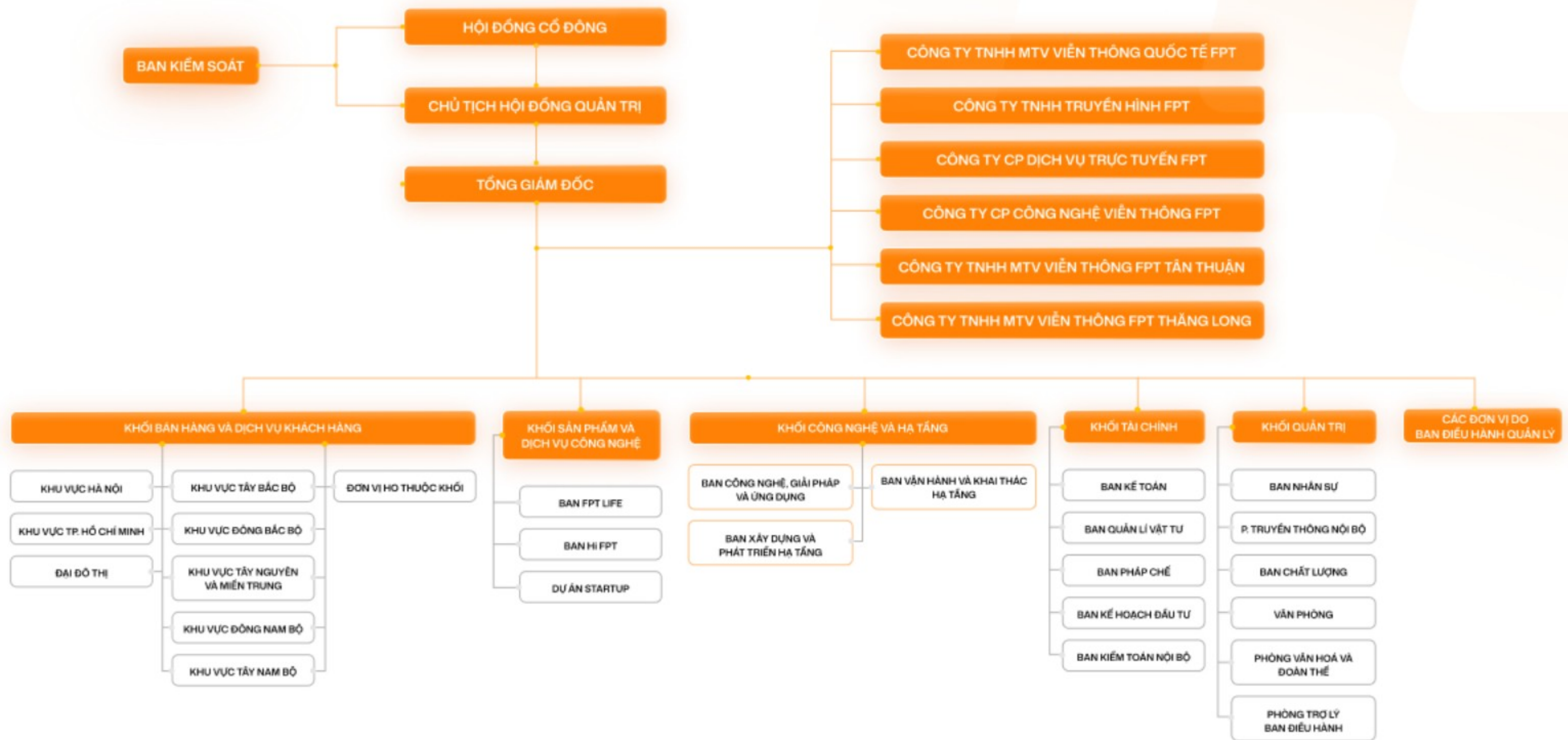


07 ONLINE MEDIA

Hệ thống báo điện tử VNExpress duy trì vị thế báo điện tử số 1 Việt Nam, hiện diện thường xuyên ở 193 quốc gia và vùng lãnh thổ.



CƠ CẤU QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÔNG TY CON



CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT

Vốn điều lệ : 30.000.000.000 VNĐ
Tỷ lệ sở hữu : 100%
Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp dịch vụ Internet, đại lý cung cấp các dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác.



CÔNG TY TNHH TRUYỀN HÌNH FPT

Vốn điều lệ : 15.000.000.000 VNĐ
Tỷ lệ sở hữu : 100%
Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp dịch vụ truyền hình.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Vốn điều lệ : 184.712.750.000 VNĐ
Tỷ lệ sở hữu : 56,51%
Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp dịch vụ Game Online, Báo điện tử, thanh toán điện tử.



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG FPT

Vốn điều lệ : 276.000.000.000 VNĐ
Tỷ lệ sở hữu : 99,99%
Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác.



CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG FPT TÂN THUẬN

Vốn điều lệ : 70.000.000.000 VNĐ
Tỷ lệ sở hữu : 100%
Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác.



CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG FPT THẮNG LONG

Vốn điều lệ : 224.315.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu : 100%
Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông: Hoàng Việt Anh

Chủ tịch HĐQT
Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thông tin

Ông gia nhập FPT từ năm 1993 và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại FPT. Ông từng giữ chức Tổng Giám đốc của FPT Software, và được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc FPT Telecom từ tháng 03/2016. Trong cùng năm đó, ông được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn FPT. Tháng 04/2023 ông được bầu làm Chủ tịch FPT Telecom. Ông có nhiều kinh nghiệm chỉ đạo các dự án quy mô hàng triệu USD với khách hàng tại Singapore, Malaysia, Mỹ, trong lĩnh vực đầu khí, hàng không, truyền hình vệ tinh, tài chính - ngân hàng - bảo hiểm. Năm 2007, ông là một trong 10 gương mặt tiêu biểu được nhận Giải thưởng Quả cầu Vàng CNTT do Trung ương Đoàn và Bộ Khoa học Công nghệ tổ chức nhớ nỗ lực đưa hình ảnh CNTT Việt Nam ra thế giới.



Ông: Trương Gia Bình

Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1956
Trình độ chuyên môn: Phó Giáo sư, Tiến sĩ Toán - Lý

Sáng lập ra FPT năm 1996, ông là nhà tổ chức, người tập hợp lực lượng của FPT. Với tầm nhìn của nhà lãnh đạo tiên phong, ông không ngừng khai thác những ý tưởng sáng tạo, bắt nhịp xu hướng công nghệ hiện đại, dẫn dắt FPT vững vàng tăng trưởng. Ông được bình chọn là một trong 10 nhân vật tiêu biểu của ngành công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) Việt Nam giai đoạn 2000-2009 do các nhà báo trong lĩnh vực ICT bình chọn. Năm 2013, ông được Tập đoàn Nikkei (Nhật Bản) trao tặng Giải thưởng Nikkei Asia vì những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của ngành CNTT Việt Nam. Ngày 07/04/2022, ông tiếp tục được bầu vào vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị FPT nhiệm kỳ 2022-2027. Ông cũng đang đảm nhiệm vai trò Trưởng Ban Nghiên cứu phát triển kinh tế tư nhân thuộc Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Hiệp hội An ninh mạng Quốc gia, Thành viên Ban cố vấn - Tamasak Đông Nam Á, Đồng Chủ tịch Hội đồng Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Phát triển Công nghiệp Bán dẫn Việt Nam thuộc VINASA.



Ông: Nguyễn Văn Khoa

Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1977
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông có 24 năm kinh nghiệm phát triển các mảng Dịch vụ Viễn thông và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý quan trọng tại FPT Telecom như Phó Giám đốc Kinh doanh khu vực phía Bắc, Giám đốc Trung tâm Quản lý hạ tầng, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT và giữ vị trí Tổng Giám đốc FPT Telecom trong giai đoạn 2010-2017. Tháng 01/2018, Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT, Tổng Giám đốc công ty Hệ thống thông tin FPT. Tháng 03/2019 ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT Việt Nam, Ủy viên Ban chấp hành Hội Tin học TP HCM. Ông hiện là Ủy viên HĐQT Công ty FPT Telecom, Chủ tịch Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam, Ông là Phó chủ tịch ASSOCIO nhiệm kỳ 2023-2024, Chủ tịch Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam, thành viên Hiệp hội Internet Việt Nam, Hiệp hội Truyền hình cáp Việt Nam, Ủy viên Ban chấp hành Hội Tin học Tp.HCM.



Ông: Nguyễn Hoàng Linh

Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1978
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Gia nhập FPT năm 2008 và giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty TNHH FPT Telecom Miền Nam. Từ tháng 12/2009 đến tháng 12/2012, Ông là Giám đốc Tài chính FPT Telecom. Tháng 1/2013, ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom. Từ tháng 4/2023, ông được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc FPT Telecom. Ngày bổ nhiệm thành viên HĐQT: 24/12/2025



Bà: Chu Thị Thanh Hà

Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1974
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Bà từng giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty CP FPT từ năm 2011 đến 2015. Bà là một trong 4 thành viên sáng lập của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Bà đã dẫn dắt, quản trị và lãnh đạo FPT Telecom trong suốt thời gian từ ngày đầu thành lập công ty (1997) đến đầu năm 2020 và trải qua nhiều vị trí lãnh đạo chủ chốt như Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch và Chủ tịch HĐQT FPT Telecom (2015-2020). Dưới sự lãnh đạo của Bà, FPT Telecom đã trở thành một trong những doanh nghiệp viễn thông, Internet có uy tín và vị thế vững chắc tại thị trường Việt Nam. Từ tháng 3/2020, Bà được bổ nhiệm vào vị trí Chủ tịch HĐQT FPT Software và thời giữ vị trí Chủ tịch HĐQT FPT Telecom.



Ông: Nguyễn Trọng Trung

Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1982
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Ông có nhiều năm kinh nghiệm quản lý và điều hành trong lĩnh vực công nghệ, điện lực và thiết bị điện. Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo chủ chốt tại các công ty thành viên thuộc hệ sinh thái GELEX, bao gồm Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc và Thành viên Hội đồng quản trị. Hiện nay, ông là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn GELEX, đồng thời giữ chức Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực GELEX và Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp GEIC, thể hiện bề dày kinh nghiệm lãnh đạo và quản trị doanh nghiệp đa lĩnh vực. Ngày bổ nhiệm thành viên HĐQT: 24/12/2025



Ông: Võ Mạnh Cường

Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1980
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Viễn thông và Công nghệ thông tin. Ông từng đảm nhiệm các vị trí quản lý, điều hành tại Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT), trải qua nhiều vai trò từ chuyên viên đến lãnh đạo cấp phòng và khối khách hàng doanh nghiệp tại VNPT Hà Nội. Hiện nay, ông là Giám đốc Trung tâm CTS - Chi nhánh Tổng Công ty Công nghệ - Viễn thông Toàn cầu, với bề dày kinh nghiệm quản trị, kinh doanh và phát triển khách hàng doanh nghiệp. Ngày bổ nhiệm thành viên HĐQT: 24/12/2025



Bà: Trần Thị Hồng Lĩnh

Phó Trưởng Ban đầu tư 4, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC)
Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1979
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Bà có 13 năm kinh nghiệm công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Bà hiện giữ chức vụ Phó Trưởng ban - Ban Đầu tư 4 thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Bà có bằng thạc sĩ Kinh tế tài chính - ngân hàng được cấp bởi Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà được bổ nhiệm vào vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị của FPT Telecom từ tháng 04/2023.

Miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị FPT Telecom từ ngày 24/12/2025.



Ông Phan Thế Thành

Phó Chánh Văn Phòng điều hành, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC)
Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1983
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Ông có 14 năm kinh nghiệm công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Ông hiện đang giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng - Văn phòng Điều hành thuộc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Ông có bằng thạc sĩ kinh tế tại trường Học viện Tài chính. Ông được bổ nhiệm vào vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị của FPT Telecom từ năm 2023.

Miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị FPT Telecom từ ngày 24/12/2025.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông: Nguyễn Hoàng Linh

Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1978
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Ông gia nhập FPT năm 2008 và giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty TNHH FPT Telecom Miền Nam. Từ tháng 7/2009 đến tháng 12/2012, Ông là Giám đốc Tài chính FPT Telecom. Tháng 1/2013, Ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom. Từ tháng 4/2023, Ông được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc FPT Telecom. (Đồng thời là thành viên HĐQT từ ngày 24/12/2025)



Bà: Vũ Thị Mai Hương

Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1971
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Tin học

Bà gia nhập FPT từ năm 1993 và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại FPT Telecom như Chủ tịch Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT, Phó Ban nhân sự FPT Telecom. Tháng 4/2011, Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.



Ông: Chu Hùng Thắng

Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1978
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Ông gia nhập FPT từ năm 2001, Ông làm việc tại Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT với các vị trí Trưởng phòng Kỹ thuật triển khai, Phó Giám đốc Trung tâm FIS 3. Năm 2008, Ông chuyển sang FPT Telecom giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh Hà Nội 3. Ông lần lượt đảm nhiệm qua nhiều vị trí lãnh đạo tại FPT Telecom: Giám đốc điều hành kinh doanh vùng 2 (Tây Bắc Đồi), vùng 3 (Đông Bắc Đồi) và vùng 1 (Hà Nội). Tháng 12/2013, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

Ông: Trần Khương

Trưởng Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1990
Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Ông gia nhập FPT từ năm 2019 và đảm nhận vị trí Chuyên viên Kế toán tổng hợp. Từ tháng 11/2023 đến nay, Ông giữ chức vụ Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT. Ông được bổ nhiệm vị trí Trưởng Ban Kiểm soát của FPT Telecom ngày 25/04/2023.



Ông: Phạm Xuân Hoàn

Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1986
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Ông gia nhập FPT Telecom từ năm 2017 với vị trí Trưởng phòng Pháp chế. Tháng 11 năm 2022, Ông được bổ nhiệm vị trí Trưởng ban Pháp chế của FPT Telecom. Ngày 25/04/2023, Ông được bổ nhiệm vị trí thành viên Ban Kiểm soát của FPT Telecom.



Bà: Lưu Nguyễn Kim Thoa

Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Bà là Thạc sĩ Kế toán - Tài chính, có nhiều năm kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, kế toán và kiểm toán. Bà từng đảm nhiệm các vị trí Kế toán trưởng, phụ trách kế toán và lãnh đạo mảng tài chính - kế toán tại các doanh nghiệp, đặc biệt gắn bó lâu dài với hệ thống GTEL. Hiện nay Bà là Trưởng Ban Tài chính - Kế toán Tổng công ty GTEL, đồng thời tham gia công tác Đảng và hoạt động công đoàn, thể hiện vai trò năng nổ trong quản trị tài chính doanh nghiệp. Ngày bổ nhiệm thành viên BKSK: 24/12/2025



Ông: Đỗ Xuân Phúc

Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1985
Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Ông hiện đang công tác tại Ban đầu tư 4 thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Ông được bổ nhiệm vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát của FPT Telecom từ ngày 25/04/2023.

Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 từ ngày 24/12/2025.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Năm 2025 đánh dấu một giai đoạn chuyển mình quan trọng của FPT Telecom trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và trong nước tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức. Trước những biến động đó, Công ty đã chủ động tái định vị chiến lược phát triển, tập trung mạnh mẽ vào hạ tầng số, nâng cao tiêu chuẩn an toàn - bảo mật và từng bước khẳng định vai trò ngày càng quan trọng trong việc xây dựng nền tảng hạ tầng số quốc gia.

Ban Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty đã nhanh chóng thích ứng, củng cố quản trị, tối ưu vận hành và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo tính ổn định, an toàn và bền vững trong toàn hệ thống. Nhờ đó, doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế năm 2025 của Công ty duy trì tăng trưởng lần lượt 10,8% và 21,6% so với năm 2024.

Doanh thu thuần

10,8%

Lợi nhuận trước thuế

21,6%

Trong năm 2025, FPT Telecom đã ra mắt Internet SpeedX - mở ra kỷ nguyên internet mới với XGS-PON kết hợp Wi-Fi 7. FPT Play giữ vững vị thế số 1 về thể thao, giải trí khi công bố sở hữu bản quyền Ngoại hạng Anh đến hết mùa giải 2030 - 2031.

Không chỉ vậy, FPT Telecom đã bắt đầu làm chủ công nghệ lõi với FPT Camera AI - hệ thống camera giám sát giao thông và an ninh đạt chuẩn quốc tế.



Mục tiêu tăng trưởng so với năm 2025

12,8% 16,9%

Doanh thu thuần

Lợi nhuận trước thuế



Trong bối cảnh năm 2026 khi chuyển đổi số quốc gia bước vào giai đoạn tăng tốc, yêu cầu về an ninh dữ liệu, chủ quyền công nghệ và hạ tầng số an toàn ngày càng trở nên cấp thiết, FPT Telecom xác định phần đầu song hành hai mục tiêu trọng yếu: duy trì tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ, bền vững trong hoạt động kinh doanh và phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ an ninh quốc gia.

FPT Telecom đặt ra mục tiêu tăng trưởng hai chữ số cho năm 2026. Cụ thể, mục tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng trưởng lần lượt là 12,8% và 16,9% so với 2025.



Để hiện thực hóa định hướng này, FPT Telecom tập trung vào ba trụ cột:

- Thứ nhất, giữ vai trò nòng cốt trong các dự án hạ tầng số và an ninh công nghệ trọng điểm, bảo đảm tính an toàn, ổn định và bảo mật cao cho các hệ thống quan trọng.
- Thứ hai, tăng tốc mở rộng hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu trải nghiệm khách hàng nhằm bứt phá thị phần, hướng tới vị trí số 1 về Internet tại Việt Nam.
- Thứ ba, đẩy mạnh nghiên cứu, làm chủ công nghệ lõi, từng bước xây dựng năng lực cạnh tranh quốc tế và hướng tới mục tiêu xuất khẩu công nghệ ra thị trường toàn cầu.

04

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 & KẾ HOẠCH NĂM 2026

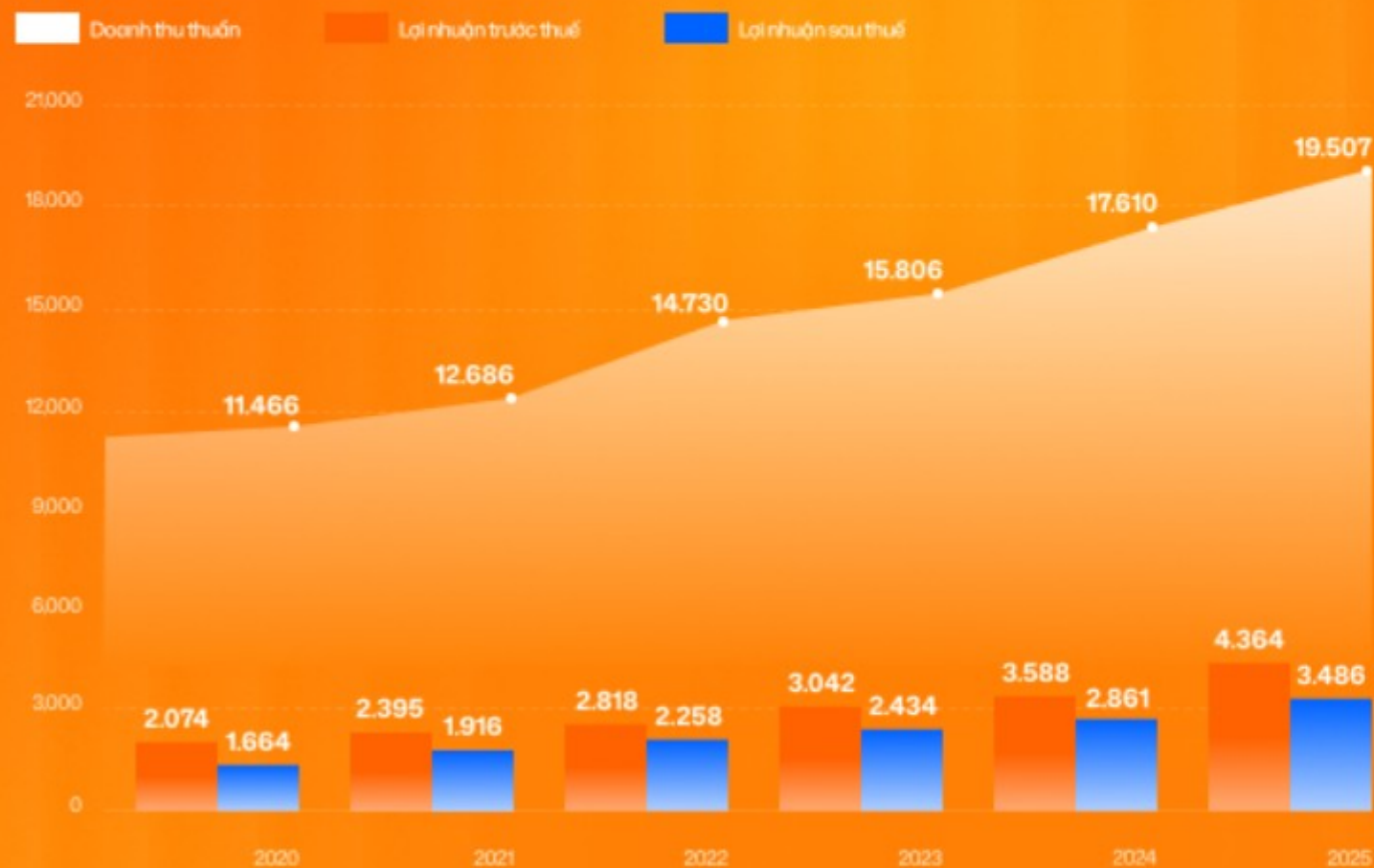
Tình hình tài chính nổi bật năm 2025	38-39
Báo cáo của Ban Điều hành	40-43
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	44-45
Kế hoạch năm 2026	46-47

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NỔI BẬT

2025

Doanh thu thuần và Lợi nhuận thực hiện qua các năm

(Tỷ VNĐ)



Doanh thu thuần

19.507 TỶ ĐỒNG

▲ 10,8% YoY

Năm 2025, Doanh thu thuần của Công ty tăng trưởng 10,8% so với cùng kỳ, nhờ nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm, mở rộng hạ tầng, bằng thông, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Lợi nhuận trước thuế

4.364 TỶ ĐỒNG

▲ 21,6% YoY

Năm 2025, cùng với việc tăng trưởng doanh thu, kết hợp với chuyển đổi số, tối ưu quy trình, kiểm soát chi phí, nhờ đó Công ty có mức tăng trưởng lợi nhuận cao so với năm 2024.

Lợi nhuận sau thuế

3.486 TỶ ĐỒNG

▲ 21,8% YoY

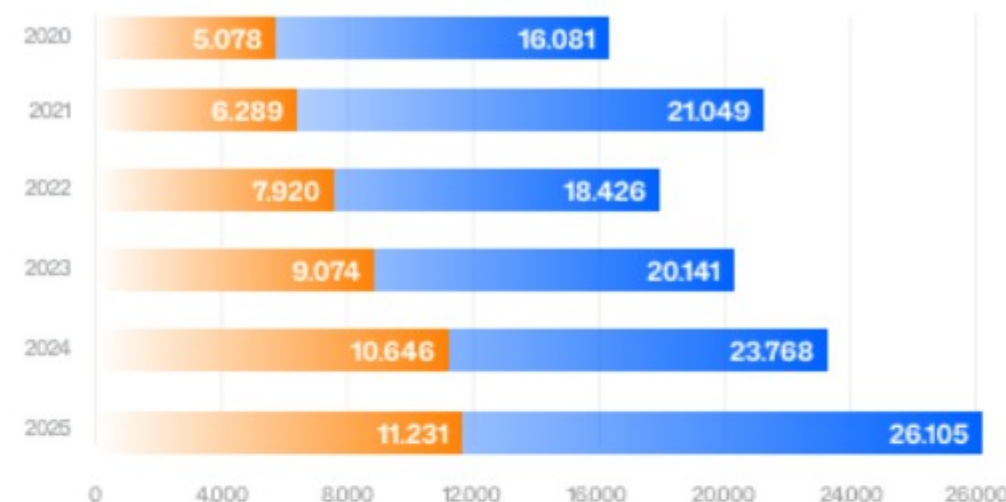
Cùng với mức tăng Doanh thu, Lợi nhuận sau thuế năm 2025 tăng trưởng 21,8% so với cùng kỳ,

VỐN CHỦ SỞ HỮU - TỔNG TÀI SẢN HỢP NHẤT

(Tỷ VNĐ)

Vốn chủ sở hữu

Tổng tài sản



Vốn chủ sở hữu

11.231 TỶ ĐỒNG

▲ 5,5% YoY

Vốn chủ sở hữu tăng trưởng 5,5% so với năm 2024 chủ yếu từ việc phát hành thêm cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận để lại và quỹ đầu tư phát triển, cho thấy nguồn lực sẵn có, là nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Tổng Tài sản

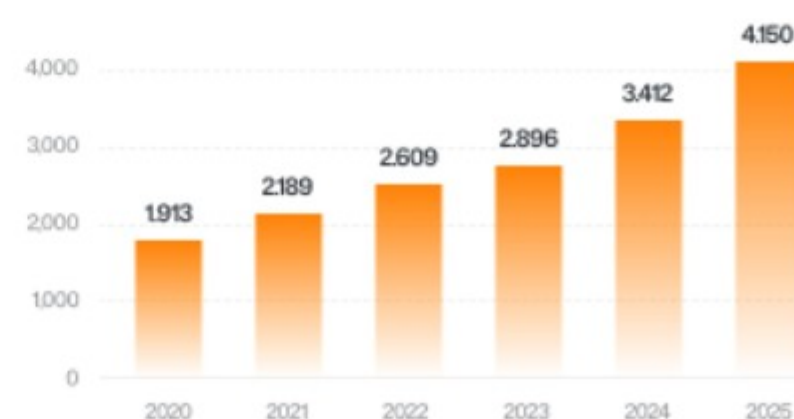
26.105 TỶ ĐỒNG

▲ 9,8% YoY

Tổng Tài sản của Công ty năm 2025 tăng trưởng 9,8% so với năm 2024 do Công ty thực hiện các khoản đầu tư ngắn hạn nhằm gia tăng khả năng sinh lời.

LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (EPS)

Đồng/CP



4.150 ĐỒNG /CP

▲ 21,6% YoY

EPS của Công ty tiếp tục tăng trưởng với mức tăng ấn tượng 21,6% so với cùng kỳ, cho thấy hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty tiếp tục đem lại hiệu quả tốt cho Cổ đông Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024	% Tăng giảm
01	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	19.507	17.610	▲ 10,8%
02	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	4.349	3.633	▲ 19,7%
03	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4.364	3.588	▲ 21,6%
04	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.486	2.861	▲ 21,8%
05	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Tỷ đồng	4.150	3.412	▲ 21,6%

Tăng trưởng so với năm 2024

10,8%

Doanh thu thuần

21,6%

Lợi nhuận trước thuế

21,8%

Lợi nhuận sau thuế

Năm 2025, FPT Telecom tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng, các chỉ tiêu đều tăng trưởng mạnh so với năm 2024. Doanh thu hợp nhất toàn Công ty đạt 19.507 tỷ đồng, tăng trưởng 10,8% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 4.364 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 3.486 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 21,6% và 21,8% so với năm 2024, nhờ tối ưu hóa quy trình, kết hợp chuyển đổi số, đồng thời tiết kiệm chi phí. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 4.150 đồng/CP, tăng trưởng 21,6% so với cùng kỳ, cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty đem lại lợi nhuận tốt cho các Cổ đông.

TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ TÀI SẢN DÀI HẠN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024	% Tăng giảm
I	Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	16.934	15.257	▲ 11,0%
01	Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ đồng	713	679	▲ 5,0%
02	Đầu tư tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	12.379	11.377	▲ 8,8%
03	Phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	2.153	1.815	▲ 18,6%
04	Hàng tồn kho	Tỷ đồng	1.427	1.196	▲ 19,3%
05	Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ đồng	262	190	▲ 38,1%
II	Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	9.171	8.511	▲ 7,8%
01	Các khoản phải thu dài hạn	Tỷ đồng	26	26	▲ 1,1%
02	Tài sản cố định	Tỷ đồng	5.786	5.688	▲ 1,7%
03	Tài sản dở dang dài hạn	Tỷ đồng	697	390	▲ 78,8%
04	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ đồng	6	6	▼ -3,2%
05	Tài sản dài hạn khác	Tỷ đồng	2.656	2.401	▲ 10,6%
II	Tổng tài sản	Tỷ đồng	26.105	23.768	▲ 9,8%

Tài sản ngắn hạn: Năm 2025, Tài sản ngắn hạn tăng 11%, chủ yếu do Công ty thực hiện đầu tư tài chính ngắn hạn (Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng) nhằm gia tăng khả năng sinh lời.

Tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn của Công ty tăng 7,8% so với cùng kỳ, chủ yếu do Công ty đầu tư, lắp đặt các thiết bị thuê bao mới do nhu cầu chuyển đổi của Khách hàng, và đầu tư các tuyến cáp quang biển, phục vụ mở rộng băng thông, đường truyền.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

NGUỒN VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024	% Tăng giảm
I	Nợ phải trả	Tỷ đồng	14.874	13.122	▲ 13,4%
01	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	14.681	13.000	▲ 12,9%
02	Nợ dài hạn	Tỷ đồng	193	122	▲ 58,7%
II	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	11.231	10.646	▲ 5,5%
01	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	11.231	10.646	▲ 5,5%
II	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	26.105	23.768	▲ 9,8%

Tổng nguồn vốn của Công ty

26.105 TỶ ĐỒNG

▲ 9,8% YoY

Nợ phải trả: Tổng nợ phải trả của Công ty năm 2025 tăng 13,4% so với cùng kỳ, chủ yếu do nợ ngắn hạn tăng 12,9% so với năm 2024. Công ty tăng cường sử dụng các khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh, gia tăng đòn bẩy tài chính, đồng thời, tận dụng nguồn vốn thanh toán chưa đến hạn thanh toán để tối ưu chi phí sử dụng vốn.

Vốn chủ sở hữu: Tăng 5,5% so với cùng kỳ, chủ yếu từ việc phát hành thêm cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận để lại và quỹ đầu tư phát triển.



CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
01	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,15	1,17
02	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,06	1,08
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
01	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,57	0,55
02	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,32	1,23
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
01	Vòng quay khoản phải thu	Lần	9,83	10,80
02	Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,78	0,80
I	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
01	Hệ số LNTT/Doanh thu thuần	Lần	22,4%	20,4%
02	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	Lần	17,9%	16,2%
03	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	Lần	31,9%	29,0%
04	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	Lần	14,0%	13,0%
05	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	Lần	22,3%	20,6%

Khả năng thanh toán:

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán ở mức tương đương so với năm 2024, duy trì ở mức >1, cho thấy Công ty có đủ khả năng, nguồn lực để thanh toán các khoản nợ trong tương lai

Khả năng sinh lời:

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời cao hơn so với năm trước cho thấy Công ty tiếp tục hoạt động hiệu quả, sử dụng tối ưu nguồn lực sẵn có cũng như tận dụng nguồn vốn bên ngoài để gia tăng hiệu quả sinh lời.

Năng lực hoạt động:

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty nhìn chung không biến động nhiều so với năm 2024 cho thấy Công ty vẫn quản lý và sử dụng hiệu quả Tài sản.

Cơ cấu vốn:

Các chỉ số về hệ số nợ trong năm 2025 của Công ty, nhìn chung không biến động so với năm 2024, duy trì hệ số nợ ở mức ổn định, hệ số nợ/tổng tài sản chỉ ở mức 0,57 lần. Điều đó cho thấy Công ty luôn sẵn nguồn lực để thanh toán các khoản nợ, tránh nguy cơ rủi ro tài chính.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2025, kinh tế Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi chậm, tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn.

Năm 2025, thế giới chứng kiến nhiều sự kiện kinh tế – chính trị – xã hội nổi bật cùng với sự gia tăng căng thẳng trong quan hệ hai cường quốc số một thế giới Mỹ và Trung Quốc, lạm phát hạ nhiệt, thị trường chứng khoán lập kỷ lục, hàng triệu việc làm mới nhờ công nghệ, cùng các nỗ lực ngoại giao giúp ngăn chặn một số xung đột leo thang. Cuộc chiến thuế quan kéo dài; xung đột vũ trang nổ ra ở Nga – Ukraine, Trung Đông; rủi ro xung đột tiềm tàng ở Nam Mỹ và châu Á – Thái Bình Dương; cùng với đó là biến đổi khí hậu và thiên tai, tất cả những yếu tố trên đã tạo nên sự dịch chuyển chậm lại của bánh xe kinh tế thế giới.

Xu hướng đa dạng hóa thương mại trở nên rõ nét. Các căng thẳng địa chính trị và xung đột thương mại gia tăng đã định hình lại chuỗi cung ứng toàn cầu, thúc đẩy các quốc gia tìm kiếm liên minh mới và ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA) chiến lược



Năm 2025, kinh tế Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi chậm, tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn. Tăng trưởng toàn cầu có cải thiện song thiếu đồng đều; lạm phát tuy được kiểm soát nhưng vẫn gây áp lực lên chi phí sản xuất; chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế lớn duy trì trạng thái thận trọng. Cùng với đó, căng thẳng địa chính trị, xung đột thương mại và những gián đoạn cục bộ của chuỗi cung ứng tiếp tục ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư quốc tế

Trong nước, nền kinh tế vừa thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, vừa triển khai sắp xếp lại đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, qua đó tạo tiền đề nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời phát sinh những yêu cầu mới trong công tác điều hành, tổ chức thực hiện và phân bổ nguồn lực. Đặc biệt, nền kinh tế phải đối mặt với thiên tai lịch sử, gây hậu quả nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống.

Trong bối cảnh đó, việc duy trì đà phục hồi, bảo đảm hoạt động kinh tế - xã hội thông suốt và nâng cao chất lượng tăng trưởng được xác định là nhiệm vụ xuyên suốt của năm 2025.

AI/GenAI đi từ thử nghiệm sang triển khai quy mô. Các Doanh nghiệp bắt đầu “đưa AI vào quy trình lõi”: chăm sóc khách hàng, bán hàng, vận hành, kiểm soát rủi ro, phân tích dữ liệu. Nhu cầu hạ tầng cho AI và dữ liệu khiến cloud, data center bùng lên, cuộc đua đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng AI trở nên cấp thiết, giúp tối ưu chi phí và quy trình của Doanh nghiệp. Năm trong xu thế đó, Việt Nam thúc đẩy định hướng phát triển nền kinh tế AI, đồng thời đẩy mạnh Chính phủ số và dịch vụ công trực tuyến, “toàn trình” là mục tiêu xử lý tỷ lệ lớn hồ sơ dịch vụ công, hành chính trực tuyến, kéo nhu cầu tích hợp dữ liệu, định danh, quy trình số, ký số và liên thông hệ thống. Bên cạnh đó, Luật an ninh mạng được ban hành trong bối cảnh các cuộc tấn công trên không gian mạng cũng như bảo mật thông tin, dữ liệu đang trở nên phức tạp, diễn biến khó lường. Nền kinh tế gắn liền với AI, chuyển đổi số sẽ là xu hướng trong năm 2026, góp phần định hình cũng như thay đổi toàn bộ nền kinh tế thế giới.

Doanh thu hoạt động viễn thông năm 2025 ước đạt 380 nghìn tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2024. Tính đến cuối năm 2025, tổng số thuê bao điện thoại cả nước ước đạt 123,6 triệu, trong đó thuê bao di động đa số với 121,3 triệu. Đặc biệt, hạ tầng internet băng rộng cố định tiếp tục mở rộng với 25,1 triệu thuê bao, tăng 4,7% so với cùng kỳ.

Tận dụng lợi thế, cũng như nắm bắt xu hướng công nghệ mới, Ban lãnh đạo FPT Telecom cùng toàn thể nhân viên, dưới sự đồng hành của HĐQT đã thực hiện đẩy mạnh ứng dụng AI/GenAI, số hóa quy trình, đầu tư cơ sở hạ tầng, cũng như nâng cao chất lượng, cải thiện dịch vụ. Nhờ vậy, doanh thu thuần của Công ty đạt 19.507 tỷ đồng, hoàn thành 98% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế toàn Công ty đạt 4.364 tỷ đồng, tăng trưởng 21,6% so với năm 2024 và hoàn thành 103,9% kế hoạch đề ra.

Các mảng kinh doanh chủ lực vẫn tăng trưởng so với năm 2024

Doanh thu dịch vụ viễn thông tăng trưởng

10,6%

Hoàn thành kế hoạch đề ra

97,9%

Doanh thu mảng nội dung số tăng trưởng

14,2%

Hoàn thành kế hoạch đề ra

100,6%

KẾ HOẠCH NĂM 2026

KẾ HOẠCH KINH DOANH

**Trong năm 2026,
đặt mục tiêu
tăng trưởng 2 chữ số**

▲ 12,8%

Doanh thu thuần

16,9%

Lợi nhuận trước thuế

Trong năm 2026, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng 2 chữ số, cụ thể, mục tiêu Doanh thu là 22.000 tỷ đồng, tăng trưởng 12,8% so với năm 2025 (trong đó, doanh thu từ dịch vụ viễn thông là 21.090 tỷ đồng, tăng trưởng 12,8% và doanh thu từ dịch vụ nội dung số là 910 tỷ đồng, tăng trưởng 13,1%). Kế hoạch lợi nhuận trước thuế của Công ty là 5.100 tỷ đồng, tăng trưởng 16,9% so với năm 2025.

Với chiến lược khách hàng là trọng tâm, FPT Telecom từng bước đẩy mạnh ứng dụng AI/GenAI trong hoạt động kinh doanh, số hóa quy trình, tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm, trải nghiệm của khách hàng, tối ưu chi phí cho Công ty. Đồng thời, thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, các dự án trọng điểm được Bộ Công an giao phó, cũng như thực hiện mục tiêu mở rộng thị phần.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Công ty tiếp tục thực hiện xây dựng, đầu tư trung tâm dữ liệu tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Đầu tư tuyến cáp biển VTS, đồng thời tiếp tục tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư tuyến cáp biển khác nhằm đa dạng hóa các tuyến cáp quốc tế.

Đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp hạ tầng để nâng cao trải nghiệm khách hàng, tăng khả năng truyền tải, giảm thiểu sự cố, rủi ro

Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, số hóa quy trình nhằm tối ưu năng suất lao động, nghiên cứu sản phẩm dịch vụ mới, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ Công ty.

Tiếp tục thực hiện xây dựng trung tâm dữ liệu tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của Hội đồng Quản trị	50-51
Hoạt động của Ban Kiểm soát	52-53
Quan hệ nhà đầu tư	54-55
Phát triển bền vững	56
Tác động đến môi trường	57
Phát triển nguồn nhân lực	58-59
Các hoạt động phòng trào tiêu biểu	60-61
Hoạt động vì cộng đồng	62-63

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Ông Hoàng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	25/04/2023	--
02	Ông Trương Gia Bình	Thành viên HĐQT	28/03/2018	--
03	Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên HĐQT	28/03/2018	--
04	Bà Chu Thị Thanh Hà	Thành viên HĐQT	28/03/2018	--
05	Ông Nguyễn Trọng Trung	Thành viên HĐQT	24/12/2025	--
06	Ông Võ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	24/12/2025	--
07	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên HĐQT	24/12/2025	--
08	Bà Trần Thị Hồng Linh	Thành viên HĐQT	25/04/2023	24/12/2025
09	Ông Phan Thế Thành	Thành viên HĐQT	25/04/2023	24/12/2025

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỉ lệ tham dự
01	Ông Hoàng Việt Anh	2	100%
02	Ông Trương Gia Bình	2	100%
03	Ông Nguyễn Văn Khoa	2	100%
04	Bà Chu Thị Thanh Hà	2	100%
05	Bà Trần Thị Hồng Linh	2	100%
06	Ông Phan Thế Thành	2	100%

TRONG NĂM 2025, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN HỢP VÀ QUYẾT ĐỊNH NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH SAU:

- Giao Ban điều hành Công ty Cổ phần Viễn thông FPT chỉ đạo triển khai các nội dung công việc trong quá trình quản trị, điều hành doanh nghiệp
- Thông qua kết quả kinh doanh Quý IV/2024 và cả năm 2024
- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025, kế hoạch trả cổ tức và trích lập các quỹ 2025
- Thông qua phương án quyết toán thù lao năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao 2025 cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo đề xuất của Ban điều hành Công ty
- Thống nhất thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt I/2024 bằng tiền mặt với mức 2000 đồng/cổ phiếu
- Thống nhất phê duyệt các giao dịch của Công ty với đối tượng là người có liên quan trong năm 2025 theo các nội dung Ban điều hành Công ty đề xuất
- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
- Thống nhất thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
- Thông qua việc bổ sung nội dung hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty với việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty đối với mã ngành 6190
- Thông qua việc trả cổ tức đợt 2 năm 2024 bằng tiền mặt
- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần
- Thông qua kết quả kinh doanh Quý I/2025
- Thông qua việc tăng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Viễn thông FPT
- Thông qua kết quả kinh doanh Quý II/2025, Quý III/2025 theo báo cáo của Ban điều hành Công ty
- Phê duyệt chủ trương đầu tư tuyến cáp quang biển Việt Nam - Singapore
- Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của FPT Telecom



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Ông Trần Khương	Trưởng BKS	20/04/2022	--
02	Ông Phạm Xuân Hoàn	Thành viên BKS	20/04/2022	--
03	Ông Đỗ Xuân Phúc	Thành viên BKS	28/03/2018	24/12/2025
04	Bà Lưu Nguyễn Kim Thoa	Thành viên BKS	24/12/2025	--

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Số buổi họp BKS tham dự	Tỉ lệ tham dự
01	Ông Trần Khương	2	100%
02	Ông Phạm Xuân Hoàn	2	100%
03	Ông Đỗ Xuân Phúc	2	100%
04	Bà Lưu Nguyễn Kim Thoa	0	0%

Ban kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình theo đúng Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động kinh doanh thông qua hồ sơ, chứng từ, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố thông tin theo quy định, cụ thể:

- Đảm bảo Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo đúng nội dung trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, thực hiện triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- Đảm bảo Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp thường kỳ hàng quý và bất thường theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty
- Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty
- Đảm bảo Tổng giám đốc cùng các thành viên Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các quyết định, Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh của Công ty, chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, phát huy hiệu quả của bộ máy tổ chức, quản lý của Công ty
- Đảm bảo việc thực hiện quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty theo đúng quy định
- Đảm bảo Ban Tổng giám đốc thường xuyên tổ chức các cuộc họp để trao đổi việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty và các Công ty con, đưa ra chỉ đạo, chấn chỉnh và biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót
- Đảm bảo Báo cáo tài chính năm 2024 được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán hiện hành



QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Số lượng cổ phiếu đã phát hành

738.763.463 CỔ PHIẾU

Mệnh giá cổ phiếu

10.000 ĐỒNG /CP

Cổ phiếu thường

738.763.463 CỔ PHIẾU

Vốn điều lệ

7.387.634.630.000 ĐỒNG

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

738.763.463 CỔ PHIẾU

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại 31/12/2025	Tỷ lệ sở hữu (%)
01	Bộ Công an	370.669.546	50,17%
02	Công ty cổ phần FPT	337.291.780	45,66%
03	Cổ đông khác	30.802.137	4,17%
Tổng cộng		738.763.463	100%

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH (Cập nhật biểu đồ)

■ Khối lượng giao dịch ■ Giá cổ phiếu

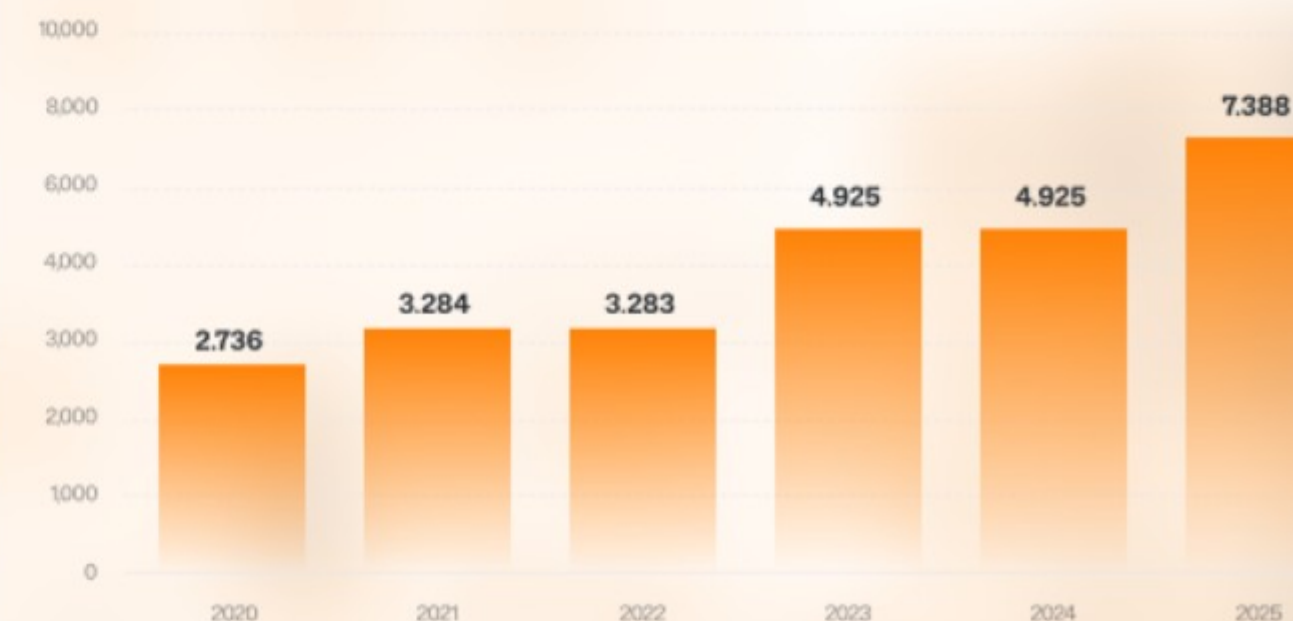


TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Trong năm 2025, Công ty tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận để lại và quỹ đầu tư phát triển

Vốn điều lệ

7.388 TỶ ĐỒNG



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

FPT Telecom - nhà mạng phát triển bền vững vì một Việt Nam số hóa, kết nối và thịnh vượng. Sau hơn 28 năm phát triển, FPT Telecom là một trong những doanh nghiệp viễn thông hàng đầu tại Việt Nam, không ngừng nâng cao chất lượng hạ tầng và dịch vụ để mang lại trải nghiệm tối ưu cho khách hàng. Đồng hành cùng định hướng phát triển của Tập đoàn FPT, FPT Telecom xác định Phát triển bền vững (ESG) là nền tảng quan trọng trong chiến lược dài hạn. Doanh nghiệp tích cực tối ưu hiệu quả sử dụng năng lượng trong vận hành hạ tầng viễn thông và trung tâm dữ liệu, thúc đẩy số hóa nhằm giảm thiểu tài nguyên giấy và phát thải, đồng thời tăng cường minh bạch và quản trị theo chuẩn mực quốc tế. Bên cạnh đó,

FPT Telecom chú trọng phát triển nguồn nhân lực, tạo môi trường làm việc công bằng - sáng tạo - an toàn, và đóng góp tích cực cho cộng đồng thông qua các hoạt động chuyển đổi số và nâng cao năng lực số quốc gia. Trên nền tảng ba trụ cột Môi trường - Xã hội - Quản trị, FPT Telecom hướng tới tăng trưởng bền vững gắn liền với trách nhiệm doanh nghiệp và giá trị lâu dài cho xã hội.

FPT Telecom hướng tới tăng trưởng bền vững gắn liền với trách nhiệm doanh nghiệp và giá trị lâu dài cho xã hội.



TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG

FPT Telecom cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường và lồng ghép chuyển đổi xanh trong mọi hoạt động.

Doanh nghiệp tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trong ngành công nghệ trong việc xây dựng Trung tâm dữ liệu EPZ đạt tiêu chuẩn Uptime Tier III, trở thành cơ sở đầu tiên tại Việt Nam đạt chứng nhận này. Với hơn 800 tủ mạng và khả năng mở rộng dung lượng gấp đôi, trung tâm ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, tối ưu hiệu suất và giảm chi phí vận hành.

FPT Telecom đã thiết lập chính sách bảo vệ môi trường với mục tiêu đạt phát thải khí nhà kính bằng 0 (Net Zero) vào năm 2040. Chính sách này chú trọng vào việc giảm năng lượng tiêu thụ, hạn chế hóa chất độc hại và thúc đẩy tái chế, đồng thời nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

Cùng với đó, FPT Telecom triển khai giải pháp FPT Smart Home hỗ trợ tiết kiệm điện năng hiệu quả và nâng cao chất lượng cuộc sống. Hệ thống tự động hóa và điều khiển từ xa giúp tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng, đồng thời đảm bảo sự tiện nghi, an toàn cho người sử dụng.

Ngoài ra, doanh nghiệp còn triển khai hóa đơn điện tử cho toàn bộ khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông, góp phần giảm thiểu sử dụng giấy và bảo vệ môi trường. Giải pháp này mang đến sự tiện ích tối đa trong việc thanh toán và quản lý hóa đơn nhanh chóng và hiệu quả.



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Kiên định chiến lược “con người làm trọng tâm”

Kiên định chiến lược “con người làm trọng tâm”, năm 2025, FPT Telecom tiếp tục đầu tư đồng bộ để thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài, xây dựng môi trường làm việc hiện đại, phát triển bền vững. Minh chứng rõ nét là Giải Vàng “Nhà tuyển dụng của năm” mông Viễn thông tại giải thưởng quốc tế uy tín Stevie Awards, khẳng định vị thế thương hiệu tuyển dụng hàng đầu và cam kết kiến tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, giàu cơ hội thăng tiến.

Triển khai mạnh mẽ công tác thu hút nhân tài

Công tác thu hút nhân tài được triển khai mạnh mẽ trên toàn quốc. Điểm nhấn là chương trình “Sinh viên Công nghệ Tập sự” với hơn 2.500 sinh viên đăng ký, minh chứng sức hút của mô hình phát triển tài năng trẻ. Song song đó, chuỗi hàng trăm sự kiện “FPT Telecom Career Booming” tại các trường đại học, cao đẳng đã mở rộng mạng lưới ứng viên chất lượng cao và nâng tầm hình ảnh nhà tuyển dụng. Đặc biệt, bên cạnh các chương trình đội trả, Công ty chú trọng thu hút nhân sự chuyên môn sâu, tuyển dụng thành công hàng chục cán bộ công nghệ cấp cao nhằm phục vụ các dự án R&D và phát triển công nghệ trọng điểm.

Tích cực số hóa hoạt động đào tạo

Công tác đào tạo được đẩy mạnh qua hệ thống E-Learning hiện đại. Việc tích hợp các nền tảng FoxSkill, Chang AI giúp cá nhân hóa lộ trình học tập của Cán bộ nhân viên. Nội dung đào tạo tập trung sâu vào việc nâng cao chuyên môn, cập nhật sản phẩm - dịch vụ mới và đặc biệt là ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm tối ưu hóa năng suất lao động.



Liên tục cải thiện chính sách đãi ngộ

Hệ thống chính sách đãi ngộ không ngừng được hoàn thiện theo hướng cạnh tranh và gắn kết chặt chẽ với hiệu quả công việc. Các chính sách nổi bật như “Sales Gắn Kết”, cơ chế lương thưởng theo KPI, cùng gói hỗ trợ ưu đãi mua nhà, mua xe tiếp tục phát huy hiệu quả. Đặc biệt, chuỗi hoạt động văn hóa “Happy Workplace” được duy trì đồng bộ đã góp phần chăm lo toàn diện đời sống vật chất lẫn tinh thần, củng cố sự gắn bó bền chặt của người lao động với tổ chức.

Trong thời gian tới, FPT Telecom sẽ tiếp tục kiên định với chiến lược phát triển con người theo hướng số hóa, cá nhân hóa và nâng cao hiệu quả quản trị. Mục tiêu trọng tâm là bảo đảm một đội ngũ nhân sự chất lượng cao, nhạy bén, sẵn sàng thích ứng và đồng hành cùng doanh nghiệp trên hành trình bứt phá và tăng trưởng bền vững.

CÁC HOẠT ĐỘNG PHONG TRÀO TIÊU BIỂU



NƯỚC MÁT SONG HÀNH NGÀY HÈ VUI TƯƠI 2025

Chương trình Quẩy nước mát được làm mới với tinh thần "Luôn Vui Tươi", kết hợp các hoạt động tương tác như minigame "Chất hè vui" và Lucky Draw nhằm lan tỏa hình ảnh quẩy nước tại các Chi nhánh trên toàn quốc, đồng thời tiếp thêm năng lượng và tạo không khí tích cực cho cán bộ nhân viên (CBNV) trong những ngày nắng nóng. Trong nửa đầu năm 2025, 61 lần trao nước mát đã được tổ chức tại 46 đơn vị, cùng Lucky Draw tặng 50 áo điều hòa cho 50 CBNV may mắn, đồng thời triển khai cuộc thi video ngắn "Chất hè vui" thu hút hơn 20K lượt tiếp cận từ CBNV trên toàn quốc.



KỸ THUẬT VIÊN LUÔN VUI TƯƠI 2025

Luôn vui tươi 2025 là dự án chiến lược dành cho lực lượng Kỹ thuật viên (KTV) của FPT Telecom trên toàn quốc, với mục tiêu giúp KTV trở thành những người tận tâm, mang lại sự tin cậy và được khách hàng yêu thương.

Thông qua thực hành theo các chuẩn giao tiếp; phát triển nhân sự nông cốt; hỗ trợ nhân sự mới, chất lượng và năng suất của đội ngũ KTV đã cải thiện đáng kể. "1 triệu trái tim yêu thương" đã được khách hàng gửi tới đội ngũ KTV qua ứng dụng HiFPT thể hiện cho sự hài lòng về chất lượng dịch vụ.



ĐẠI LỄ FPT37

FPT Telecom tiếp tục ghi dấu ấn nổi bật tại Lễ FPT37 toàn quốc với sự tham gia đông đảo của cán bộ nhân viên từ nhiều chi nhánh. Các đoàn FPT Telecom đã đạt nhiều thành tích ấn tượng ở các nội dung thi đấu và hoạt động văn hóa như diễn kịch, hùng biện, thể thao và các cuộc thi sáng tạo. Nhiều chi nhánh như Hà Nội, TPHCM, Bình Định, Khánh Hòa... đã mang về các giải thưởng cao ở các hạng mục bóng đá, pickleball, bida và cuộc thi Rung Chuông Vàng. Tinh thần đoàn kết, năng lượng trẻ và sự nhiệt huyết của người FPT Telecom đã góp phần tạo nên một mùa hội FPT37 sôi động và đầy tự hào trên toàn quốc.



F-SÁNG TẠO

F-Sáng tạo là sân chơi dành cho toàn thể CBNV tham gia để xuất sắc kiến, ý tưởng nhằm cải tiến công việc, tối ưu vận hành và phát triển các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh mới. Hơn 1.200 sáng kiến đã được gửi về từ 51 đơn vị với sự tham gia của 421 tác giả, cho thấy sự hưởng ứng rộng rãi của CBNV trên toàn công ty. Đồng thời, chương trình đã xây dựng và đưa vào vận hành Hệ thống Sân F-Sáng tạo, tổ chức hoạt động chấm thi và hỗ trợ các nhóm sáng kiến tham gia chương trình iKiến.

CÁC HOẠT ĐỘNG PHONG TRÀO KHÁC

FPT Telecom luôn đặt con người làm trọng tâm trong quá trình phát triển, không ngừng thúc đẩy các hoạt động phong trào nhằm tạo môi trường làm việc gắn kết, năng động và giàu tinh thần đồng đội. Trong năm 2025, nhiều hoạt động văn hóa - thể thao đã được triển khai rộng khắp trên toàn quốc, nổi bật là cuộc thi Hoa khôi thu hút hàng trăm thí sinh và hàng chục nghìn lượt bình chọn; chuỗi giải đấu thể thao sôi nổi và đa dạng bộ môn, từ bóng đá, futsal, pickleball, tennis cho tới eSports; góp phần lan tỏa tinh thần sáng tạo, trẻ trung và gắn kết toàn hệ thống.

HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG

ĐỒNG HÀNH TRONG BẢO LỮ

Hương về đồng đội - Chương trình "FTEL cùng đồng đội vượt lũ". Tổ chức hoạt động thăm hỏi, gửi nhu yếu phẩm cần thiết tới các chi nhánh Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Cao Bằng. Hỗ trợ ngân sách tiền dành cho CBNV trong vùng lũ với tổng là 3.432.000.000đ cho 853 CBNV và gia đình.

Hương về đồng bào: Chương trình "Thương về Miền Trung", phát động quyền góp đỡ thiết yếu gửi về đồng bào tại Khánh Hoà và Phú Yên. Số lượng hàng ước tính khoảng 6 tấn bao gồm quần áo, gạo, đồ ăn, nước sạch, thuốc men,...

CÁC NGUỒN QUỸ

495.000.000Đ

Quỹ người FPT vì cộng đồng

95.000.000Đ

Quỹ chung tay FTEL



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

NỘI DUNG

TRANG

Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0101778163 ngày 28 tháng 7 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 33) được cấp ngày 19 tháng 08 năm 2025.

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Việt Anh	Chủ tịch
Ông Trương Gia Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên
Bà Chu Thị Thanh Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Trung	Thành viên (từ ngày 24/12/2025)
Ông Võ Mạnh Cường	Thành viên (từ ngày 24/12/2025)
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên (từ ngày 24/12/2025)
Bà Trần Thị Hồng Linh	Thành viên (đến ngày 24/12/2025)
Ông Phan Thế Thành	Thành viên (đến ngày 24/12/2025)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Khương	Trưởng ban
Ông Phạm Xuân Hoàn	Thành viên
Bà Lưu Nguyễn Kim Thoa	Thành viên (từ ngày 24/12/2025)
Ông Đỗ Xuân Phúc	Thành viên (đến ngày 24/12/2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Linh	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Hùng Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện
theo pháp luật

Ông Hoàng Việt Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Số 17 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Công ty và các công ty con hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty và các công ty con hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và các công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 48. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 19 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT ("Công ty") và các công ty con được lập ngày 31 tháng 12 năm 2025, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 19 tháng 3 năm 2026. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Trần Khắc Thế
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
2043-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 4305
Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Văn Nam
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
5082-2024-006-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		16.933.781.095.682	15.257.330.627.437
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	713.425.316.747	679.277.313.660
111	Tiền		442.912.058.157	349.170.044.324
112	Các khoản tương đương tiền		270.513.258.590	330.107.269.336
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		12.378.501.219.537	11.376.821.923.875
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	12.378.501.219.537	11.376.821.923.875
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		2.152.609.986.778	1.815.061.889.259
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.048.505.156.434	1.757.533.007.648
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		163.138.393.846	163.253.428.637
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	191.822.741.376	158.903.503.000
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(250.856.304.878)	(264.628.050.026)
140	Hàng tồn kho	8	1.426.949.537.850	1.196.303.165.040
141	Hàng tồn kho		1.441.729.039.615	1.213.429.172.696
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(14.779.501.765)	(17.126.007.656)
150	Tài sản ngắn hạn khác		262.295.034.770	189.866.335.603
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	226.041.323.305	145.835.516.238
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		20.368.790.345	43.921.597.332
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15(a)	15.884.921.120	109.222.033
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		9.170.993.649.171	8.510.994.698.205
210	Các khoản phải thu dài hạn		26.190.016.612	25.896.153.168
216	Phải thu dài hạn khác		26.190.016.612	25.896.153.168
220	Tài sản cố định		5.785.975.696.638	5.688.194.234.388
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	5.323.298.192.799	5.078.687.887.701
222	Nguyên giá		14.676.925.119.898	13.369.037.927.616
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(9.353.626.927.099)	(8.290.350.039.915)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	462.677.503.839	609.506.346.687
228	Nguyên giá		1.150.249.760.810	1.253.885.721.975
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(687.572.256.971)	(644.379.375.288)
240	Tài sản dở dang dài hạn		696.595.065.534	389.574.246.576
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	696.595.065.534	389.574.246.576
250	Đầu tư tài chính dài hạn		6.000.000.000	6.200.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	9.684.980.000	9.684.980.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(3.684.980.000)	(3.684.980.000)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	-	200.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		2.656.232.870.387	2.401.130.064.073
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	2.638.968.563.678	2.377.253.610.814
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12	17.264.306.709	23.876.453.259
270	TỔNG TÀI SẢN		26.104.774.744.853	23.768.325.325.642

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		14.873.990.102.754	13.122.061.089.134
310	Nợ ngắn hạn		14.680.701.219.034	13.000.283.528.216
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	1.874.610.162.906	1.541.348.647.172
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	134.288.296.245	123.277.635.732
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15(b)	400.301.569.324	426.358.111.164
314	Phải trả người lao động		1.783.804.117.734	1.497.091.745.800
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	413.207.171.422	345.801.018.557
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17(a)	1.881.663.348.162	1.745.702.838.876
319	Phải trả ngắn hạn khác	18	272.485.291.138	279.814.774.431
320	Vay ngắn hạn	19(a)	7.359.517.303.863	6.540.635.801.900
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	560.823.958.240	500.252.954.584
330	Nợ dài hạn		193.288.883.720	121.777.560.918
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17(b)	31.383.402.114	34.891.471.164
337	Phải trả dài hạn khác		2.740.478.670	1.681.834.640
338	Vay dài hạn	19(b)	151.289.507.937	81.784.329.565
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	12	7.875.494.999	3.419.925.549
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.230.784.642.099	10.646.264.236.508
410	Vốn chủ sở hữu	21,22	11.230.784.642.099	10.646.264.236.508
411	Vốn góp của chủ sở hữu		7.387.634.630.000	4.925.091.640.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.387.634.630.000	4.925.091.640.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	22	55.391.600.000	55.391.600.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	22	580.634.183.368	2.122.083.824.808
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	22	2.872.006.578.548	3.189.864.568.073
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		321.243.599.010	1.081.485.817.354
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		2.550.762.979.538	2.108.378.750.719
429	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	22	335.117.650.183	353.832.603.627
440	TỔNG NGUỒN VỐN		26.104.774.744.853	23.768.325.325.642


Nguyễn Thị Hồng
Người lập


Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.521.806.827.821	17.617.660.996.679
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	15.091.518.665	7.260.744.042
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	19.506.715.309.156	17.610.400.252.637
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	9.796.896.846.035	9.294.623.536.001
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	9.709.818.463.121	8.315.776.716.636
21	Doanh thu hoạt động tài chính	805.224.384.217	659.223.846.745
22	Chi phí tài chính	374.045.929.358	334.222.815.878
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	346.676.040.573	295.513.005.046
25	Chi phí bán hàng	3.501.069.545.688	2.856.882.910.299
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.291.156.681.409	2.150.592.972.594
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	4.348.770.690.883	3.633.301.864.610
31	Thu nhập khác	43.227.272.233	23.752.043.108
32	Chi phí khác	28.034.740.707	69.456.190.382
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	15.192.531.526	(45.704.147.274)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	4.363.963.222.409	3.587.597.717.336
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	866.690.181.308	726.110.309.518
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	11.067.716.000	401.303.857
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	3.486.205.325.101	2.861.086.103.961
Phân bổ cho:			
61	Cổ đông của Công ty	3.417.997.633.446	2.803.323.676.314
62	Cổ đông không kiểm soát	68.207.691.655	57.762.427.647
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.150	3.412
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.150	3.412

Nguyễn Thị Hồng
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.363.963.222.409	3.587.597.717.336
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	1.323.764.487.291	1.372.284.413.689
03	Các khoản dự phòng	47.692.640.980	87.280.665.526
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(13.571.310.369)	(6.415.210.841)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(719.489.654.288)	(524.762.592.813)
06	Chi phí lãi vay	346.676.040.573	295.513.005.046
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	5.349.035.426.596	4.811.497.997.943
09	Tăng các khoản phải thu	(357.958.724.672)	(470.001.918.689)
10	Tăng hàng tồn kho	(228.299.866.919)	(388.407.440.528)
11	Tăng các khoản phải trả	897.398.610.178	1.256.369.642.551
12	Tăng chi phí trả trước	(341.920.759.931)	(235.020.131.875)
14	Tiền lãi vay đã trả	(356.428.293.706)	(341.455.833.056)
15	Thuế TNDN đã nộp	(955.367.973.891)	(558.228.202.276)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	20.000.000	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(298.479.225.854)	(248.797.837.893)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	3.707.999.191.801	3.825.956.276.177
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.750.849.897.228)	(1.032.212.944.328)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	1.083.751.002	108.064.737
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(26,011,095,011,707)	(22.296.225.765.331)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	25.009.615.716.045	19.571.348.530.419
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	718.552.947.246	538.036.540.711
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.032.692.494.642)	(3.218.945.573.792)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19.344.741.896.766	15.486.593.648.206
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(18.457.596.579.379)	(14.849.479.719.091)
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(2.541.690.383.750)	(1.000.656.667.100)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1.654.545.066.363)	(363.542.737.985)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20.761.630.796	243.467.964.400
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	679.277.313.660	423.984.252.859
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	13.386.372.291	11.825.096.401
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	713.425.316.747	679.277.313.660

Nguyễn Thị Hồng
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103008784 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 7 năm 2005. Sau đó, Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103008784 được thay thế bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101778163 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101778163 thay đổi gần nhất (lần thứ 33) được cấp ngày 19 tháng 8 năm 2025.

Từ ngày 13 tháng 1 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết UpCom với mã chứng khoán là "FOX".

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ internet, dịch vụ truyền hình trả tiền, dịch vụ cho thuê đường truyền, dịch vụ lưu trữ dữ liệu và các dịch vụ viễn thông khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 6 công ty con như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tại ngày 31.12.2025 và ngày 31.12.2024	
			Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1) Công ty CP Dịch vụ Trực tuyến FPT	Cung cấp dịch vụ viễn thông, quảng cáo trực tuyến, báo điện tử, thanh toán điện tử	Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh	56,51%	56,51%
2) Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Tân Thuận	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác	Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%
3) Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	Cung cấp dịch vụ internet, đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác	Lô 29B - 31B - 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%
4) Công ty CP Công nghệ Viễn thông FPT	Hoạt động viễn thông khác	Lô T2-5 Đường D1 Khu Công nghệ cao, Phường Tân Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%
5) Công ty TNHH Truyền hình FPT	Cung cấp các dịch vụ truyền hình	124 Sương Nguyệt Ánh, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%
6) Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Thăng Long	Hoạt động viễn thông khác	Lô E-9, Khu Công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Xã Bình Nguyên, Tỉnh Phú Thọ	100,00%	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty và các công ty con có 1 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và 10.731 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1 chi nhánh và 9.986 nhân viên).

Trình bày về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất:

Số liệu so sánh trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Chế độ kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, thay thế Thông tư 200/2014/TT-BTC có hiệu lực áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Do đó, Công ty sẽ áp dụng Thông tư 99 từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2026.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty và các công ty con sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các khoản vay bằng ngoại tệ được Công ty và các công ty con phòng ngừa rủi ro tỷ giá bằng cách sử dụng hợp đồng kỳ hạn, chênh lệch giữa tỷ giá tại ngày giải ngân khoản vay và tỷ giá chi trả khoản vay kỳ kết trong hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận vào giá trị khoản vay và doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn vay.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm năng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty mẹ và các công ty con hoặc giữa các công ty con với nhau được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

2.9 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Công ty và các công ty con thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Công ty và các công ty con thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(c) Dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Công ty và các công ty con thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thu hồi.

2.11 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 15 năm
Thiết bị quản lý	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
TSCĐ hữu hình khác	5 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 năm
Phần mềm máy tính	3 – 8 năm

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Giấy phép bản quyền và quyền khai thác là quyền khai thác các tuyến cáp quốc tế và được phân bổ vào chi phí theo thời hạn ghi trên giấy phép và hợp đồng quyền khai thác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm các chi phí triển khai dịch vụ thuê bao ban đầu với thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Chi phí vật tư triển khai dịch vụ internet	2,5 năm
Chi phí vật tư triển khai dịch vụ truyền hình	2 năm
Chi phí dịch vụ lắp đặt thuê ngoài	2 năm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.14 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.15 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các đối tượng khác. Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty và các công ty con xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay hợp nhất riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.16 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

2.17 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.17 Các khoản dự phòng (tiếp theo)

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

2.18 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty và các công ty con đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty và các công ty con trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty và các công ty con chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm tài chính theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày kết thúc năm tài chính này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Công ty và các công ty con không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Công ty và các công ty con ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính khi thực trả trợ cấp thôi việc cho người lao động.

2.19 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước, chủ yếu bao gồm các khoản khách hàng trả trước tiền cước dịch vụ viễn thông trong nhiều kỳ tính cước. Công ty và các công ty con ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty và các công ty con sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác nắm giữ bởi chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo, chủ yếu liên quan đến hạch toán kế toán đối với cổ tức bằng cổ phiếu nhận được từ các công ty con.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty và các công ty con tại thời điểm báo cáo.

2.21 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả tại ngày chốt quyền nhận cổ tức của cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và các công ty con và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để cung cấp nguồn vốn cho các dự án phát triển của Công ty và các Công ty con.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và các công ty con và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, cải thiện và nâng cao đời sống người lao động.

2.22 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty và các công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty và các công ty con sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.22 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(a) Doanh thu bán hàng (tiếp theo)

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Thu nhập được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập từ cổ tức/ lợi nhuận được chia/ lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức/ lợi nhuận được chia được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Thu nhập được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức/ lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty và các công ty con xác lập quyền nhận cổ tức/ lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.23 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tài chính tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm tài chính, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính lập báo cáo.

2.24 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.25 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái và chi phí lãi vay.

2.26 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của Công ty và các công ty con.

2.27 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty và các công ty con.

2.28 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.28 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.29 Thuế tối thiểu toàn cầu

Chi phí thuế TNDN bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu là số thuế TNDN mà Công ty và các công ty con phải nộp bổ sung vào ngân sách Nhà nước được xác định theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và tiêu thức phân bổ của Công ty và các công ty con. Khi ghi nhận chi phí thuế TNDN bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, Công ty và các công ty con đồng thời ghi nhận thuế TNDN hoãn lại nếu có chênh lệch tạm thời của chi phí thuế TNDN nộp bổ sung giữa kỳ phát sinh với kỳ kê khai hoặc các trường hợp khác mà lợi nhuận kế toán được ghi nhận trong kỳ này nhưng thu nhập chịu thuế được tính trong kỳ khác. Khoản thuế TNDN hoãn lại này sẽ được hoàn nhập khi chênh lệch tạm thời là không còn.

2.30 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân là các bên liên quan của Công ty và các công ty con khi trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty và các công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty và các công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty và các công ty con, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết và các công ty con trong cùng tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty và các công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty và các công ty con, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các công ty con, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty và các công ty con căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.31 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty và các công ty con cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty và các công ty con là theo lĩnh vực kinh doanh.

2.32 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Ước tính dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.7 và 7);
- Ước tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 2.8 và 8);
- Ước tính thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ (Thuyết minh 2.11 và 10); và
- Ước tính chi phí thuế TNDN (Thuyết minh 2.28 và 31).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Tiền mặt	58.174.022	25.978.924
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	442.853.884.135	349.144.065.400
Các khoản tương đương tiền (*)	270.513.258.590	330.107.269.336
	<u>713.425.316.747</u>	<u>679.277.313.660</u>

(*) Các khoản tương đương tiền chủ yếu bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn ban đầu dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Lãi suất các khoản tiền gửi được quy định cụ thể cho từng hợp đồng tiền gửi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31.12.2025		31.12.2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngân hạn				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	12.378.501.219.537	12.378.501.219.537	11.376.821.923.875	11.376.821.923.875
ii. Dài hạn				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	-	200.000.000	200.000.000

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại tại Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng. Lãi suất các khoản tiền gửi được quy định cụ thể cho từng hợp đồng tiền gửi.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31.12.2025		31.12.2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Công nghệ Sendo	3.684.980.000	(*)	3.684.980.000	(*)
	9.684.980.000	(*)	9.684.980.000	(*)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty và các công ty con chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba (*)	1.991.818.924.583	1.717.759.898.772
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	56.686.231.851	39.773.108.876
	<u>2.048.505.156.434</u>	<u>1.757.533.007.648</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty và các công ty con không có khoản phải thu khách hàng ngắn hạn nào chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Lãi tiền gửi	163.384.090.627	141.248.005.858
Khác	28.438.650.749	17.655.497.142
	<u>191.822.741.376</u>	<u>158.903.503.000</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty và các công ty con không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

7 NỢ KHÓ ĐÒI

	31.12.2025		31.12.2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	261.226.695.492	10.370.390.614	268.102.287.672	3.474.237.646
Trong đó:				
- Công ty Cổ phần Sám Ngọc Linh Kon Tum	52.920.000.000	-	52.920.000.000	-
			52.920.000.000	52.920.000.000
			268.102.287.672	264.628.050.026

Trong năm, công ty đã thực hiện xử lý xóa số nợ phải thu khó đòi đã quá hạn từ trên 2 năm với số tiền 63.810.892.019 Đồng theo Quyết định số 615/QĐ-FTEL ngày 4 tháng 4 năm 2025, Quyết định số 1107/QĐ-FTEL ngày 7 tháng 7 năm 2025, Quyết định số 1517/QĐ-FTEL ngày 6 tháng 10 năm 2025 và Quyết định số 69/QĐ-FTEL ngày 7 tháng 1 năm 2026 được phê duyệt bởi Tổng Giám đốc của Công ty.

8 HÀNG TỒN KHO

	31.12.2025		31.12.2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	81.451.841.582	-	55.282.428.819	-
Nguyên vật liệu	1.158.827.230.634	(14.779.501.765)	965.653.469.626	(17.126.007.656)
Công cụ, dụng cụ	30.754.415.636	-	42.054.588.364	-
Hàng hóa	170.695.551.763	-	150.438.685.887	-
	1.441.729.039.615	(14.779.501.765)	1.213.429.172.696	(17.126.007.656)
	(14.779.501.765)		(17.126.007.656)	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.426.949.537.850		1.196.303.165.040	

25

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

8 HÀNG TỒN KHO (TIẾP THEO)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm tài chính như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm (Hoàn nhập)/tăng dự phòng (Thuyết minh 26)	17.126.007.656 (2.346.505.891)	16.797.484.252 328.523.404
Số dư cuối năm	14.779.501.765	17.126.007.656
9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		
(a) Ngắn hạn	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí thuê (bản quyền, văn phòng, kênh, đường truyền, cáp quang)	129.952.711.661	87.403.921.151
Khác	96.088.611.644	58.431.595.087
	226.041.323.305	145.835.516.238
(b) Dài hạn	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí triển khai dịch vụ cho thuê bao mới (*)	2.055.454.565.292	1.804.520.929.972
Chi phí thuê văn phòng	378.773.199.169	284.076.784.156
Khác	204.740.799.217	288.655.896.686
	2.638.968.563.678	2.377.253.610.814

(*) Chi phí triển khai dịch vụ cho thuê bao mới bao gồm các chi phí thiết bị, vật tư, chi phí nhân công thuê ngoài để lắp đặt, triển khai dịch vụ internet, dịch vụ truyền hình cho khách hàng mới. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo thời gian hữu dụng ước tính (Thuyết minh 2.13).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”)

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1.1.2025	251.045.752.738	12.961.125.162.864	134.806.879.767	21.928.364.747	131.767.500	13.369.037.927.616
Mua trong năm	454.927.358	467.867.099.174	1.220.452.710	9.232.173.861	-	478.774.653.103
Chuyển sang từ xây dựng cơ bản dở dang	239.282.330.389	843.654.386.277	-	-	-	1.082.936.716.666
Phân loại lại	(439.124.143)	2.365.434.222	(1.239.378.675)	(1.287.618.499)	-	(600.687.095)
Thanh lý, xóa sổ	-	(249.595.986.602)	(1.005.850.317)	(2.500.898.702)	-	(253.102.735.621)
Khác	-	(120.754.771)	-	-	-	(120.754.771)
Tại ngày 31.12.2025	490.343.886.342	14.025.295.341.164	133.782.103.485	27.372.021.407	131.767.500	14.676.925.119.898
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1.1.2025	(93.046.055.887)	(8.062.333.540.772)	(123.592.096.395)	(11.358.473.730)	(19.873.131)	(8.290.350.039.915)
Khấu hao trong năm	(10.665.819.835)	(1.253.655.165.789)	(5.304.505.592)	(3.017.049.852)	(26.353.496)	(1.272.668.894.564)
Phân loại lại	240.616	27.812.767	185.705.070	5.819.777	-	219.578.230
Thanh lý, xóa sổ	-	205.729.753.873	954.681.666	2.500.898.702	-	209.185.334.241
Khác	-	(12.905.091)	-	-	-	(12.905.091)
Tại ngày 31.12.2025	(103.711.635.106)	(9.110.244.045.012)	(127.756.215.251)	(11.868.805.103)	(46.226.627)	(9.353.626.927.099)
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1.1.2025	157.999.696.851	4.898.791.622.092	11.214.783.372	10.569.891.017	111.894.369	5.078.687.887.701
Tại ngày 31.12.2025	386.632.251.236	4.915.051.296.152	6.025.888.234	15.503.216.304	85.540.873	5.323.298.192.799

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 5.323.463.473.801 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4.384.790.980.021 Đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) (TIẾP THEO)

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Giấy phép bản quyền và quyền khai thác VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1.1.2025	195.076.371.451	98.000.000	878.695.106.238	180.016.244.286	1.253.885.721.975
Mua trong năm	5.622.799.997	-	3.248.293.394	14.823.293.818	23.694.387.209
Phân loại lại	-	-	(119.658.808.438)	600.687.095	(119.058.121.343)
Thanh lý, xóa sổ	-	-	-	(8.272.227.031)	(8.272.227.031)
Tại ngày 31.12.2025	200.699.171.448	98.000.000	762.284.591.194	187.167.998.168	1.150.249.760.810
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1.1.2025	-	(178.506)	(481.003.159.011)	(163.376.037.771)	(644.379.375.288)
Khấu hao trong năm	-	(32.666.666)	(34.440.838.592)	(16.622.087.469)	(51.095.592.727)
Phân loại lại	-	-	-	(219.578.230)	(219.578.230)
Thanh lý, xóa sổ	-	-	-	8.122.289.274	8.122.289.274
Tại ngày 31.12.2025	-	(32.845.172)	(515.443.997.603)	(172.095.414.196)	(687.572.256.971)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1.1.2025	195.076.371.451	97.821.494	397.691.947.227	16.640.206.515	609.506.346.687
Tại ngày 31.12.2025	200.699.171.448	65.154.828	246.840.593.591	15.072.583.972	462.677.503.839

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 405.921.434.256 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 310.297.405.635 Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nợ Nhà nước trong năm như sau:

(a) Phải thu	Tại ngày	Số phải thu	Số đã được hoàn/	Tại ngày
	1.1.2025	trong năm	thực thu trong năm	31.12.2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào	-	15.721.122.605	-	15.721.122.605
Thuế TNDN	109.222.033	163.798.515	(109.222.033)	163.798.515
Thuế thu nhập cá nhân	-	38.293.989.593	(38.293.989.593)	-
	109.222.033	54.178.910.713	(38.403.211.626)	15.884.921.120
(b) Phải nộp	Tại ngày	Số phải nộp/	Số đã thực nộp/	Tại ngày
	1.1.2025	trong năm	cán trừ trong năm	31.12.2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	61.613.292.007	2.580.067.617.535	(2.580.144.585.296)	61.536.324.246
Thuế TNDN	329.406.438.734	866.580.959.275	(955.204.175.376)	240.783.222.633
Thuế nhà thầu nước ngoài	25.001.637.652	88.342.714.160	(103.784.662.541)	9.559.689.271
Thuế thu nhập cá nhân	10.336.742.771	374.203.854.970	(296.118.764.567)	88.421.833.174
Thuế nhập khẩu	-	8.844.999.404	(8.844.999.404)	-
Thuế khác	-	578.386.201	(577.886.201)	500.000
	426.358.111.164	3.918.618.531.545	(3.944.675.073.385)	400.301.569.324

31

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.12.2025	31.12.2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	47.374.472.496	57.126.725.629
Chi phí bảo trì hạ tầng thuê bao	60.896.000.000	35.000.000.000
Chi phí bản quyền	28.706.813.733	29.924.639.910
Hoa hồng tòa nhà	42.264.738.915	36.117.146.231
Khác (*)	233.965.146.278	187.632.506.787
	413.207.171.422	345.801.018.557

(*) Bao gồm chủ yếu trong khoản mục này là các khoản chi phí phải trả cho việc thuê kênh, thuê đường truyền, thuê dịch vụ bảo trì thuê bao và các chi phí phải trả khác.

17 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31.12.2025	31.12.2024
	VND	VND
(a) Ngắn hạn		
Tiền trả trước của khách hàng cho dịch vụ viễn thông	1.878.168.997.510	1.742.894.976.363
Tiền cho thuê văn phòng – Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	1.772.804.088	1.772.804.088
Khác	1.721.546.564	1.035.058.425
	1.881.663.348.162	1.745.702.838.876
(b) Dài hạn		
Tiền trả trước của khách hàng cho dịch vụ viễn thông	5.234.542.019	6.969.806.981
Tiền cho thuê văn phòng – Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	26.148.860.095	27.921.664.183
	31.383.402.114	34.891.471.164

18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2025	31.12.2024
	VND	VND
Bên liên quan	3.682.255.533	2.718.375.283
Ký quỹ, ký cược	216.018.969.678	191.049.198.501
Khác	52.784.065.927	86.047.200.647
	272.485.291.138	279.814.774.431

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

19 VAY

(a) Vay ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2025 VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Tại ngày 31.12.2025 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	6.540.635.801.900	19.275.236.718.394	(18.457.596.579.379)	1.241.362.948	7.359.517.303.863

(*) Bao gồm các khoản vay ngắn hạn không tài sản đảm bảo từ các ngân hàng nhằm bổ sung vốn cho hoạt động của Công ty và các công ty con. Lãi suất các khoản vay được quy định cụ thể cho từng lần rút vốn trong khoảng từ 4%/năm đến 6,8%/năm (năm 2024: từ 2,8%/năm đến 6,6%/năm).

(b) Vay dài hạn

	Tại ngày 1.1.2025 VND	Tang VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31.12.2025 VND
Vay dài hạn ngân hàng	81.784.329.565	149.305.930.094	(79.800.751.722)	151.289.507.937

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

19 VAY (TIẾP THEO)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn theo nguyên tệ như sau:

	31.12.2025		31.12.2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	5.000.000	131.250.000.000	25.000.000	615.746.408.852
Đồng Việt Nam ("VND")	7.379.556.811.800	7.379.556.811.800	5.924.889.393.048	6.006.673.722.613
		<u>7.510.806.811.800</u>		<u>6.622.420.131.465</u>

Công ty đã thực hiện nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá đối với các khoản vay bằng ngoại tệ bằng việc ký các hợp đồng mua, bán ngoại tệ kỳ hạn như sau:

Ngoại tệ	31.12.2025		31.12.2024	
	Số dư vay ngoại tệ	Số dư ngoại tệ đã được phòng ngừa rủi ro	Số dư vay ngoại tệ	Số dư ngoại tệ đã được phòng ngừa rủi ro
Đô la Mỹ ("USD")	<u>5.000.000</u>	<u>5.000.000</u>	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>

20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm tài chính như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	500.252.954.584	460.860.242.681
Trích lập từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh 22)	359.030.229.510	288.190.549.796
Sử dụng quỹ trong năm	(298.459.225.854)	(248.797.837.893)
Số dư cuối năm	<u>560.823.958.240</u>	<u>500.252.954.584</u>

21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phần

	31.12.2025 Cổ phần phổ thông	31.12.2024 Cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	738.763.463	492.509.164
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	738.763.463	492.509.164
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	738.763.463	492.509.164

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2025		31.12.2024	
	Cổ phần phổ thông	%	Cổ phần phổ thông	%
Bộ Công an (*)	370.669.546	50,17	-	-
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước – Công ty TNHH (*)	-	-	247.113.031	50,17
Công ty Cổ phần FPT	337.291.780	45,66	224.861.187	45,66
Các cổ đông khác	30.802.137	4,17	20.534.946	4,17
	<u>738.763.463</u>	<u>100</u>	<u>492.509.164</u>	<u>100</u>

(*) Ngày 16 tháng 7 năm 2025, Bộ Công An tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT từ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước – Công ty TNHH. Việc chuyển nhượng cổ phần đã được hoàn tất vào ngày 11 tháng 11 năm 2025.

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	492.509.164	4.925.091.640.000	4.925.091.640.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	492.509.164	4.925.091.640.000	4.925.091.640.000
Cổ phiếu mới phát hành (Thuyết minh 22)	246.254.299	2.462.542.990.000	2.462.542.990.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>738.763.463</u>	<u>7.387.634.630.000</u>	<u>7.387.634.630.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	4.925.091.640.000	55.391.600.000	1.709.722.205.278	2.065.692.248.602	317.866.838.369	9.073.764.532.249
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.803.323.676.314	57.762.427.647	2.861.086.103.961
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(985.018.328.000)	(16.020.374.000)	(1.001.038.702.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	412.361.619.530	(412.361.619.530)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(282.414.306.066)	(5.776.243.730)	(288.190.549.796)
Khác	-	-	-	642.896.753	(44.659)	642.852.094
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.925.091.640.000	55.391.600.000	2.122.083.824.808	3.189.864.568.073	353.832.603.627	10.646.264.236.508
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	3.417.997.633.446	68.207.691.655	3.486.205.325.101
Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	(2.462.545.820.000)	(80.101.870.000)	(2.542.647.690.000)
Tăng vốn cổ phần bằng phát hành cổ phiếu	2.462.542.990.000	-	-	(340.459.165.192)	-	-
Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	(2.122.083.824.808)	(580.634.183.368)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20) (*)	-	-	-	(352.209.454.411)	(6.820.775.099)	(359.030.229.510)
Khác	-	-	-	(7.000.000)	-	(7.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>7.387.634.630.000</u>	<u>55.391.600.000</u>	<u>580.634.183.368</u>	<u>2.872.006.578.548</u>	<u>335.117.650.183</u>	<u>11.230.784.642.099</u>

(*) Công ty thực hiện chia cổ tức bằng tiền là 5.000 đồng/cổ phiếu, trích Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi, và tăng vốn cổ phần bằng phát hành cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận để lại và quỹ đầu tư phát triển theo các nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty, trên cơ sở đã được phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên để ngày 10 tháng 4 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

23 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025	2024 (Điều chỉnh lại (*))
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	3.417.997.633.446	2.803.323.676.314
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(352.209.454.411)	(282.414.306.066)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.065.788.179.035	2.520.909.370.248
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	738.763.463	738.763.463
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	4.150	3.412

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại cho việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần (Thuyết minh 22) như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu điều chỉnh lại
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.520.909.370.248	-	2.520.909.370.248
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.520.909.370.248	-	2.520.909.370.248
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	492.509.164	246.254.299	738.763.463
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	5.119		3.412

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu của Công ty bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu do Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ là 11.987.207 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 9.194.619 Đô la Mỹ).

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Nợ khó đòi	684.428.577.315	621.028.123.747

25 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.317.738.491.334	16.571.568.200.477
Doanh thu bán hàng hóa	1.204.068.336.487	1.046.092.796.202
	19.521.806.827.821	17.617.660.996.679
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại và các khoản giảm trừ khác	(15.020.359.665)	(6.200.970.292)
Hàng bán bị trả lại	(71.159.000)	(1.059.773.750)
	(15.091.518.665)	(7.260.744.042)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	18.302.718.131.669	16.565.367.230.185
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	1.203.997.177.487	1.045.033.022.452
	19.506.715.309.156	17.610.400.252.637

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.748.023.161.432	8.409.570.016.672
Giá vốn của hàng hóa đã bán (Hoàn nhập)/tăng dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 8)	1.051.220.190.494 (2.346.505.891)	884.724.995.925 328.523.404
	<u>9.796.896.846.035</u>	<u>9.294.623.536.001</u>

27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	740.689.032.015	539.475.783.460
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	64.535.352.202	111.710.056.466
Cổ tức nhận được từ đầu tư vào các đơn vị khác (Thuyết minh 34(a))	-	8.000.000.000
Khác	-	38.006.819
	<u>805.224.384.217</u>	<u>659.223.846.745</u>

28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	346.676.040.573	295.513.005.046
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.335.379.674	38.645.262.342
Khác	34.509.111	64.548.490
	<u>374.045.929.358</u>	<u>334.222.815.878</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

29 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	2.725.242.321.781	2.222.100.099.507
Quảng cáo, tiếp thị	491.638.568.038	459.677.215.648
Khác (*)	284.188.655.869	175.105.595.144
	<u>3.501.069.545.688</u>	<u>2.856.882.910.299</u>

(*) Bao gồm chủ yếu trong khoản mục này là chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí thuê, chi phí thuê ngoài, chi phí tiện ích và các chi phí bán hàng khác. Không có khoản mục chi phí nào có giá trị chiếm hơn 10% trên tổng chi phí bán hàng.

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	1.786.358.169.058	1.542.111.649.204
Khác (*)	504.798.512.351	608.481.323.390
	<u>2.291.156.681.409</u>	<u>2.150.592.972.594</u>

(*) Bao gồm chủ yếu trong khoản mục này là chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dự phòng khoản phải thu khó đòi, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí quản lý doanh nghiệp khác. Không có khoản mục chi phí nào có giá trị chiếm hơn 10% trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

31 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty và các công ty con khác với số thuế TNDN khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.363.963.222.409	3.587.597.717.336
Thuế tính ở thuế suất 20%	872.792.644.482	717.519.543.467
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(203.402.308)	(1.600.000.000)
Chi phí không được khấu trừ	893.562.712	9.549.398.618
Dự phòng thiếu của năm trước	201.256.353	208.833.976
Chênh lệch tạm thời mà không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	2.436.158.808	34.665.414
Khác	1.637.677.261	799.171.900
Chi phí thuế TNDN (*)	877.757.897.308	726.511.613.375
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành (Thuyết minh 15(b))	866.690.181.308	726.110.309.518
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 12)	11.067.716.000	401.303.857
Chi phí thuế TNDN (*)	877.757.897.308	726.511.613.375

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

32 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con. Chi tiết được trình bày như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Dịch vụ mua ngoài	6.212.352.618.032	5.971.678.747.407
Chi phí nhân viên	4.511.600.490.839	3.764.211.748.711
Nguyên liệu, vật liệu	2.820.576.890.752	2.487.025.304.674
Khấu hao TSCĐ	1.323.764.487.291	1.372.284.413.689
Khác	720.828.586.218	706.899.204.413
	15.589.123.073.132	14.302.099.418.894

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

33 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty và các công ty con chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty và các công ty con các cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty và các công ty con là theo lĩnh vực kinh doanh.

(a) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm hoạt động chủ yếu của Công ty và các công ty con là cung cấp các dịch vụ viễn thông (bao gồm dịch vụ Internet, truyền hình trả tiền, quảng cáo trực tuyến, cho thuê đường truyền và lưu trữ dữ liệu và các dịch vụ viễn thông khác). Doanh thu và lợi nhuận từ bán hàng hóa chiếm dưới 10% tổng doanh thu và lợi nhuận của Công ty và các công ty con. Do đó, Công ty và các công ty con không trình bày chi tiết báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu và giá vốn đã được trình bày tại Thuyết minh 25 và Thuyết minh 26.

(b) Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty và các công ty con không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần FPT, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Trước ngày 11 tháng 11 năm 2025, mặc dù Công ty Cổ phần FPT chỉ sở hữu 45,66% vốn cổ phần của Công ty nhưng có quyền kiểm soát Công ty do có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị hoặc cấp quản lý tương đương của Công ty cũng như có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Từ ngày 11 tháng 11 năm 2025, quyền đại diện 50,16% cổ phần sở hữu vốn Nhà nước tại Công ty đã được chuyển giao từ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước sang cho Bộ Công an. Theo Công văn số 1906/ĐP ngày 18 tháng 03 năm 2026 từ Cục Kế hoạch và Tài chính thuộc Bộ Công an, đối với năm tài chính 2025, Công ty Cổ phần FPT có quyền kiểm soát Công ty đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025. Từ năm tài chính 2026, sau khi hoàn chỉnh các thủ tục để chính thức tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu mới sẽ thực hiện đầy đủ các quyền, trách nhiệm của công ty mẹ đối với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan (*)	Quan hệ
Công ty Cổ phần FPT	Công ty mẹ
Bộ Công an (Thuyết minh 21)	Cổ đông chính (từ ngày 16 tháng 7 năm 2025)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước – Công ty TNHH (Thuyết minh 21)	Cổ đông chính (đến ngày 16 tháng 7 năm 2025)
Công ty TNHH FPT IS (trước đây là Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT)	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghệ Utop	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, và các cá nhân có liên quan của các thành viên này	Thành viên quản lý chủ chốt

(*) Số liệu của bên liên quan được trình bày trong thuyết minh này bao gồm số liệu của công ty và công ty con trực thuộc công ty đó (nếu có).

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
i) Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	138.545.045.506	94.041.493.094
Công ty TNHH FPT IS	95.551.881.705	75.397.033.554
Công ty TNHH Phần mềm FPT	53.517.913.498	51.444.833.030
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	38.936.625.612	22.378.625.246
Công ty TNHH Giáo dục FPT	28.413.713.813	28.520.099.499
Công ty Cổ phần FPT	12.356.854.350	12.845.622.201
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	7.640.343.629	7.464.665.561
Các công ty thành viên khác cùng Tập đoàn	979.191.954	799.022.915
	<u>375.941.570.067</u>	<u>292.891.395.100</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
ii) Mua TSCĐ, hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	208.365.252.918	163.388.944.706
Công ty Cổ phần FPT	192.684.127.528	173.577.445.305
Công ty TNHH FPT IS	138.872.063.942	85.932.210.398
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	29.567.584.679	16.106.186.329
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	14.153.112.704	9.738.529.071
Công ty TNHH Phần mềm FPT	8.935.169.818	32.690.353.968
Công ty TNHH giáo dục FPT	380.066.929	369.556.083
Các công ty thành viên khác cùng Tập đoàn	771.354.514	124.172.517
	<u>593.728.733.032</u>	<u>481.927.398.377</u>
iii) Chia cổ tức bằng cổ phiếu		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước – Công ty TNHH	1.235.565.150.000	-
Công ty Cổ phần FPT	1.124.305.930.000	-
	<u>2.359.871.080.000</u>	<u>-</u>
iv) Chia cổ tức bằng tiền		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước – Công ty TNHH	1.235.565.155.000	494.226.062.000
Công ty Cổ phần FPT	1.124.305.935.000	449.722.374.000
	<u>2.359.871.090.000</u>	<u>943.948.436.000</u>
v) Nhận cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 27)		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	-	8.000.000.000
	<u>-</u>	<u>8.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
vi) Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý chủ chốt khác		
Hội đồng Quản trị		
Hoàng Việt Anh Chủ tịch	-	-
Trương Gia Bình Thành viên	-	-
Nguyễn Văn Khoa Thành viên	-	-
Chu Thị Thanh Hà Thành viên	-	-
Nguyễn Trọng Trung Thành viên	-	-
(từ ngày 24/12/2025)	-	-
Võ Mạnh Cường Thành viên	-	-
(từ ngày 24/12/2025)	-	-
Nguyễn Hoàng Linh Thành viên	-	-
(từ ngày 24/12/2025)	-	-
Trần Thị Hồng Linh Thành viên	-	-
(đến ngày 24/12/2025)	-	60.000.000
Phan Thế Thành Thành viên	-	60.000.000
(đến ngày 24/12/2025)	-	60.000.000
	-	120.000.000
Ban Kiểm soát		
Trần Khương Trưởng ban	-	-
Phạm Xuân Hoàn Thành viên	-	-
Lưu Nguyễn Kim Thoa Thành viên	-	-
(từ ngày 24/12/2025)	-	-
Đỗ Xuân Phúc Thành viên	-	24.000.000
(đến ngày 24/12/2025)	-	24.000.000
	-	24.000.000
Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác		
Nguyễn Hoàng Linh Tổng Giám đốc	2.760.000.000	2.760.200.000
Vũ Thị Mai Hương Phó Tổng Giám đốc	1.920.200.000	1.920.700.000
Chu Hùng Thắng Phó Tổng Giám đốc	1.920.125.000	1.920.009.000
Đỗ Thị Hương Giám đốc Tài chính	1.920.000.000	1.920.200.000
Nguyễn Thị Thu Hương Kế toán trưởng	963.200.000	941.200.000
	9.483.525.000	9.462.309.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
i) Tiền gửi tại tài khoản tập trung FPT		
Công ty Cổ phần FPT	413.258.590	507.269.336
ii) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	29.281.679.398	13.741.865.748
Công ty TNHH FPT IS	16.234.368.897	16.518.276.086
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	7.136.477.823	2.823.192.484
Công ty TNHH Phần mềm FPT	2.963.843.423	3.991.804.148
Công ty Cổ phần FPT	432.684.562	1.666.193.640
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	295.044.643	611.812.939
Công ty TNHH Giáo dục FPT	274.496.648	335.553.950
Các công ty thành viên khác cùng Tập đoàn	67.636.457	84.409.881
	56.686.231.851	39.773.108.876
iii) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Phần mềm FPT	29.298.797.176	28.307.888.085
Công ty TNHH FPT IS	14.324.000	12.540.000
	29.313.121.176	28.320.428.085
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13)		
Công ty Cổ phần FPT	40.421.236.948	15.573.321.204
Công ty TNHH FPT IS	33.728.270.060	11.166.504.805
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	27.136.145.506	23.423.174.861
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	2.444.379.212	655.522.804
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	2.403.557.443	1.378.302.470
Công ty TNHH Phần mềm FPT	1.125.091.159	689.861.666
Công ty TNHH Giáo dục FPT	6.765.487	11.286.800
Các công ty thành viên khác cùng Tập đoàn	309.250.389	25.636.822
	107.574.696.204	52.923.611.432
v) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 14)		
Công ty TNHH FPT IS	23.604.898.460	-
Công ty TNHH Phần mềm FPT	105.973.173	-
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	37.152.000	-
Công ty TNHH Giáo dục FPT	5.611.090	-
Các công ty thành viên khác cùng Tập đoàn	6.468.000	-
	23.760.102.723	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
vi) Doanh thu chưa thực hiện (Thuyết minh 17)		
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	1.772.804.088	1.772.804.088
Dài hạn		
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	26.148.860.095	27.921.664.183

35 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty và các công ty con phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động đã ký kết trong tương lai như sau:

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Dưới 1 năm	193.536.211.596	163.896.293.376
Từ 1 năm đến 5 năm	237.749.077.546	227.648.159.641
Trên 5 năm	13.133.625.925	13.204.546.467
Tổng cộng các khoản phải thanh toán tối thiểu	444.418.915.067	404.748.999.484

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Trung tâm dữ liệu	304.571.754.642	412.215.307.249
Tòa nhà FPT Telecom	266.478.049.160	14.076.714.174
Tuyến cáp quang biển ALC	206.455.706.833	262.031.707.958
Các công trình hạ tầng viễn thông	55.263.575.833	40.670.912.268
	832.769.086.468	728.994.641.649

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

36 NỢ TIỀM TÀNG

Nghĩa vụ hoàn nguyên đối với các khu đất thuê

Công ty và các công ty con ký các hợp đồng thuê đất và đã xây dựng công trình và hạ tầng trên các khu đất thuê. Các hợp đồng thuê đất không nêu nghĩa vụ của Công ty và các công ty con trong việc tháo dỡ công trình xây dựng, vật kiến trúc và các tài sản khác của Công ty và các công ty con trên đất thuê vào cuối thời hạn thuê đất. Nghĩa vụ này phụ thuộc vào việc trao đổi, thỏa thuận thêm giữa Công ty và các công ty con với các bên cho thuê đất vào cuối thời hạn thuê đất. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, nghĩa vụ hoàn nguyên của Công ty và các công ty con đối với các khu đất thuê là chưa được xác định. Do đó, Công ty và các công ty con không ghi nhận nghĩa vụ hoàn nguyên đối với các khu đất thuê trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 19 tháng 3 năm 2026.

Nguyễn Thị Hồng
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG
TY CỔ
PHẦN
VIỄN
THÔNG
FPT

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN VIỄN
THÔNG FPT
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ
HÀ NỘI, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN VIỄN THÔNG FPT,
OID.0.9.2342.19200300.10
0.1.1=MST:0101778163
Reason: I am the author of
this document
Location: your signing
location here
Date: 2026.04.07 17:02:
01+07'00'
Foxit Reader Version:
10.1.1

DANH BẠ CÔNG TY

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Số 17 phố Duy Tân,
Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Văn phòng Hà Nội: Tầng 9, FPT Tower, Số 10 Phạm Văn Bạch,
Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Văn phòng Đà Nẵng: Lô A4-1 KĐT Công Nghệ FPT Đà Nẵng,
Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

Văn phòng Hồ Chí Minh: Lô 37-39A, Đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-24)-7300 2222

Fax: (84-24)-37950047

Website www.fpt.vn

Facebook: www.facebook/FptTelecom

CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT

Tại Hà Nội: Tầng 18 Tòa nhà FPT, số 10 Phạm Văn Bạch, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 7300 2222 - Fax: (84-24) 3726 4648

Tại TP HCM: Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, PTân Thuận Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 7300 2222 - Fax: (84-28) 6297 1197

Website: www.fpt-fti.vn

CÔNG TY TNHH TRUYỀN HÌNH FPT

Tại Hà Nội: Tầng 18 Tòa nhà FPT, số 10 Phạm Văn Bạch, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 7300 2222 - Fax: (84-28) 6297 1197

Tại TP HCM: 124 Sương Nguyệt Ánh, P. Bến Thành, Q. 1, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 7300 2222 - Fax: (84-28) 7300 8889

Website: www.fpt-fti.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Tại Hà Nội: Tầng 4-5, Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 7300 9999 - Fax: (84-24) 7300 9998

Tại TP HCM: Tầng 6-7, Tòa nhà Exchange Tower, số 1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,

P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: (84 -24) 7300 9999 - Fax: (84 -24) 7300 9998

Website: <https://fptonline.net>

CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG FPT TÂN THUẬN

Tại TP HCM: Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, PTân Thuận, Tp. HCM

Điện thoại: (84-24) 7300 2222 - Fax: (84-28) 7300 8889

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG FPT

Tại TP HCM: Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ cao, P. Tăng Nhơn Phú A, Q9, TP. HCM

Điện thoại: (84-24) 7300 2222 - Fax: (84-28) 7300 8889

CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG FPT THĂNG LONG

Tại TP HCM: Lô E-9, Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Xã Bình Xuyên, Tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: 84-24 73002222 - Fax: 84-24 7950047

Khu vực miền Bắc

Tên trụ sở	Địa chỉ
Trụ sở chính Công ty CP Viễn thông FPT	Tầng 9, FPT Tower, Số 10 Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Trụ sở CN Bắc Ninh	Số 103 Lê Thánh Tông, Phường Võ Cường, Tỉnh Bắc Ninh
Trụ sở chi nhánh Bắc Ninh (Bắc Giang cũ)	Lô A-LK 36-06, Khu số 2, KĐT phía nam, Phường Tân Tiến, Tỉnh Bắc Ninh
Trụ sở chi nhánh Lạng Sơn	Số 286A, Đường Hùng Vương, Phường Đông Kinh, Lạng Sơn
Trụ sở chi nhánh Cao Bằng	Số 08, Phố Kim Đồng, Phường Thục Phán, Cao Bằng
Trụ sở chi nhánh Thái Nguyên	Số 66 Đường Bắc Sơn, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên
Trụ sở chi nhánh Tuyên Quang	Số 118 Đường Trần Phú, TDP Tân Quang 17, Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyên Quang
Trụ sở chi nhánh Tuyên Quang (Hà Giang cũ)	PG02-03 & PG02-05, Khu đô thị Vincom, Tổ 12 Trần Phú, Phường Hà Giang 2, Tỉnh Tuyên Quang
Trụ sở chi nhánh Lào Cai (Yên Bái cũ)	Số LK-D04, KĐT Mê Linh Plaza Yên Bái, Đường Điện Biên, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai
Trụ sở chi nhánh Lào Cai	Số nhà 228, Đường Hoàng Liên, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
Trụ sở chi nhánh Phú Thọ	Tổ 18A, Phố Minh Hà, Phường Thanh Miếu, Tỉnh Phú Thọ
Trụ sở chi nhánh Phú Thọ (Vĩnh Phúc cũ)	Đường Hùng Vương, Phường Vĩnh Yên, Tỉnh Phú Thọ
Trụ sở chi nhánh Phú Thọ (Hòa Bình cũ)	Số 313 Trần Hưng Đạo, Phường Hoà Bình, Tỉnh Phú Thọ
Trụ sở chi nhánh Quảng Ninh	Số nhà 351 - 353 Nguyễn Văn Cừ, Tổ 11 khu 3, Phường Hạ Long, Quảng Ninh
Trụ sở chi nhánh Hưng Yên	Số 1 Khu bến xe Mỹ Hòa, Phường Nhân Hòa, Thị xã Mỹ Hòa, Tỉnh Hưng Yên
Trụ sở chi nhánh Hưng Yên (Thái Bình cũ)	Số 168 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên
Trụ sở chi nhánh Hải Phòng (Hải Dương cũ)	Số 16+18 Bà Triệu, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng
Trụ sở chi nhánh Hải Phòng	Búi Viện, Phường Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng
Trụ sở chi nhánh Ninh Bình	SN 02, Ngõ 469 Lê Thái Tổ, Phường Hoa Lư, Ninh Bình
Trụ sở chi nhánh Ninh Bình (Nam Định cũ)	Số 6 Đông A, Phường Nam Định, Ninh Bình
Trụ sở chi nhánh Ninh Bình (Hà Nam cũ)	PG02-05, Khu nhà liền kề Vincom, Đường Châu Cầu, Phường Phú Lý, Tỉnh Ninh Bình
Trụ sở chi nhánh Thanh Hóa	Lô 4-5 MBQH 2072, đường Nguyễn Duy Hiệu, Phường Học Thành, Tỉnh Thanh Hoá
Trụ sở chi nhánh Nghệ An	Lô 01BT05 Phạm Đình Toái, Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An
Trụ sở chi nhánh Hà Tĩnh	Số 115 Nguyễn Biểu, Phường Thành Sen, Hà Tĩnh
Trụ sở chi nhánh Sơn La	Lô PG1-06, khu Vincom, Phường Tô Hiệu, Tỉnh Sơn La
Trụ sở chi nhánh Điện Biên	SN 584, Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Điện Biên Phủ, Điện Biên

Khu vực miền Trung

Tên trụ sở	Địa chỉ
Trụ sở chi nhánh Đà Nẵng	Lô A4 -1, KĐT Công nghệ FPT Đà Nẵng, Đường Trần Quốc, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Trụ sở chi nhánh Đà Nẵng	182-184 Đường 2/9, Hòa Cường, Đà Nẵng
Trụ sở chi nhánh Đà Nẵng (Quảng Nam cũ)	Số 53 Phan Bội Châu, Phường Bàn Thạch, Đà Nẵng
VPGD chính Huế	72 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Huế
Trụ sở chi nhánh Gia Lai	67 Tầng Bạt Hồ, phường Diên Hồng, Tỉnh Gia Lai
Trụ sở chi nhánh Gia Lai (Bình Định cũ)	94 Phạm Hùng, Phường Quy Nhơn, Gia Lai
Trụ sở chi nhánh Khánh Hòa	Tầng 1, 2 Tòa nhà 42 Lê Thành Phương, Nha Trang, Khánh Hòa
Trụ sở chi nhánh Quảng Trị	Số 20 Lê Lợi, Phường Nam Đông Hà, Quảng Trị
Trụ sở chi nhánh Quảng Trị (Quảng Bình cũ)	Đường Minh Mạng, TDP 15, Phường Đồng Thuận, Quảng Trị
Trụ sở chi nhánh Quảng Ngãi	249 Phan Bội Châu, Phường Cẩm Thành, Quảng Ngãi
Trụ sở chi nhánh Quảng Ngãi (Kon Tum cũ)	208 Phan Chu Trinh, Phường Kon Tum, Quảng Ngãi
Trụ sở chi nhánh Đắk Lắk	11 Trần Hưng Đạo, Phường Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk
Trụ sở chi nhánh Đắk Lắk (Phủ Yên cũ)	Số A11 Khu đô thị Hưng Phú, Trấn Phú, Phường Tuy Hoà, Đắk Lắk

Khu vực miền Nam

Tên trụ sở	Địa chỉ
Trụ sở Chi nhánh Công ty CP Viễn thông FPT	Lô 37-39A, Đường 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Trụ sở chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Bình Dương cũ)	9-10 Lô B1, Đường D9, KDC Chánh Nghĩa, Chánh Nghĩa, Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh
Trụ sở chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Vũng Tàu cũ)	186 Trương Công Định, Phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh
Trụ sở chi nhánh Đồng Nai	791 Đường Đồng Khởi, Phường Tân Triều, Tỉnh Đồng Nai
Trụ sở chi nhánh Đồng Nai (Bình Phước cũ)	498 Quốc Lộ 14, Khu phố Phú Thịnh, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai
Trụ sở chi nhánh Lâm Đồng	36 Pasteur, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, Lâm Đồng
Trụ sở chi nhánh Lâm Đồng (Bình Thuận cũ)	59 Thủ Khoa Huân, Phường Phú Thủy, Lâm Đồng
Trụ sở chi nhánh Tây Ninh	476 Đường 30/4, Khu phố 6, Phường Tân Ninh, Tây Ninh
Trụ sở chi nhánh Tây Ninh (Long An cũ)	142 Hùng Vương, Phường Long An, Tây Ninh
Trụ sở chi nhánh Khánh Hòa (Ninh Thuận cũ)	352-354 Ngô Gia Tự, Phường Phan Rang, Khánh Hòa
Trụ sở chi nhánh Vĩnh Long	Số 68/11A Phạm Thái Đương, Phường Phước Hậu, Tỉnh Vĩnh Long
Trụ sở chi nhánh Vĩnh Long (Trà Vinh cũ)	45 Nguyễn Đăng, Phường Nguyệt Hóa, Tỉnh Vĩnh Long
Trụ sở chi nhánh Cà Mau	135 Đường Trần Hưng Đạo, Khóm 18, Phường Tân Thành, Tỉnh Cà Mau
Trụ sở chi nhánh Cà Mau (Bạc Liêu cũ)	44-45 Ninh Bình, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau
Trụ sở chi nhánh An Giang	132 Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, An Giang
Trụ sở chi nhánh An Giang (Kiên Giang cũ)	Số 259 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Rạch Giá, An Giang
Trụ sở chi nhánh Cần Thơ	10 Phan Văn Trị, Phường Ninh Kiều, TP Cần Thơ
Trụ sở chi nhánh Cần Thơ (Sóc Trăng cũ)	Số 76 Lê Duẩn, Phường Phú Lợi, Thành Phố Cần Thơ
Trụ sở chi nhánh Cần Thơ (Hậu Giang cũ)	193H Trần Hưng Đạo, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Trụ sở chi nhánh Vĩnh Long (Bến Tre cũ)	285K, Khu phố 3, Phường Phú Tân, Tỉnh Vĩnh Long
Trụ sở chi nhánh Đồng Tháp	04 Lý Thường Kiệt, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Trụ sở chi nhánh Đồng Tháp (Tiền Giang cũ)	Số 284 Ấp Bốc, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp